

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 2023/NQ-HĐND

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

### NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số nội dung chi, mức chi  
hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA ... KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi;

Thực hiện Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23/7/2021 của Bộ Y tế về rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương;

Thực hiện Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08/8/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên;

Xét Tờ trình số ..... ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số ..../BC-HĐND-VHXH ngày ... tháng ... năm 2023 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa ....., kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ..... tháng ..... năm 2023./

**Nơi nhận:**

**CHỦ TỊCH**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- VPQH; VP Chủ tịch Nước; VPCP;
- Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TT.HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn DBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Tổ Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT&TT (Sở TT&TT);
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

**QUY ĐỊNH**  
**Một số nội dung chi, mức chi**  
**hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước**  
(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày / / 2023 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách nhà nước (nguồn kinh phí địa phương) triển khai thực hiện công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh.

**Chương II**  
**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Nội dung và mức chi chung**

1. Hỗ trợ người thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh, hỗ trợ tư vấn về an toàn thực phẩm, hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung phòng, điều trị, chăm sóc cho người bệnh.

a) Trường hợp tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn tập trung: Chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn theo mức chi hỗ trợ cho giảng viên, báo cáo viên được quy định tại các văn bản hiện hành.

b) Trường hợp tư vấn thường xuyên hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV, cơ sở điều trị nghiên cứu các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế: Hỗ trợ người thực hiện tư vấn 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng, số lượng người tư vấn do người đứng đầu cơ quan chuyên môn về y tế, dân số quyết định.

c) Trường hợp đi tư vấn, hướng dẫn tại cộng đồng: Ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành, được hỗ trợ theo đối tượng tư vấn với mức 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng.

Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng.

2. Hỗ trợ khám sàng lọc, phát hiện, quản lý sàng lọc, tham gia chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng; khám bệnh, chữa bệnh kết hợp quân dân y:

a) Chi phí xét nghiệm, thủ thuật lấy bệnh phẩm sinh thiết, làm tiêu bản mô bệnh học và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác theo chuyên môn y tế (nếu có): Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở y tế công lập hiện hành.

b) Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc ngoài chế độ công tác phí hiện hành: người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu trong các đợt khám sàng lọc: 7.000 đồng/mẫu; người trực tiếp khám, xét nghiệm (bao gồm bác sĩ, y sĩ, y tá, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên xét nghiệm): 125.000 đồng/người/ngày.

c) Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức hỗ trợ 65.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại xã đặc biệt khó khăn, 40.000 đồng/người/ngày khi thực hiện tại các xã còn lại.

3. Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phông, bạt (nếu có), thanh toán tiền nhiên liệu, điện, nước, vật tư y tế phục vụ công tác khám sàng lọc: Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp và dự toán được duyệt.

4. Hỗ trợ thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê, thuê người dẫn đường không phải phiền dịch: 280.000 đồng/người/ngày.

5. Hỗ trợ giám sát dịch tễ học, giám sát đánh giá hiệu quả chiến dịch, hiệu quả xử lý ổ dịch, giám sát côn trùng thường xuyên, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mắt cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi quản lý: Cán bộ y tế, dân số tham gia giám sát được hỗ trợ mức 50.000 đồng/người/ngày ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành.

#### **Điều 4. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống phong**

1. Chi mua các vật dụng đặc thù và gia công sản xuất giày dép chuyên biệt cho bệnh nhân phong, pha chế thuốc bôi ngoài da phục vụ khám phát hiện bệnh phong, mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:

a) Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6 đến 9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12 đến 18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

### 3. Bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo được hỗ trợ:

a) Trường hợp bệnh nhân nạo vét lỗ đáo điều trị tại trạm y tế xã, cơ sở y tế khu vực được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày;

b) Trường hợp bệnh nhân phong bị cơn phản ứng phong nặng hoặc tai biến điều trị được hỗ trợ tiền thuê phương tiện vận chuyển từ nhà đến trạm y tế xã, khu điều trị phong hoặc bệnh viện đa khoa khu vực, mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.

4. Chi thù lao cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán: Bệnh nhân ở xã đặc biệt khó khăn: 300.000 đồng/bệnh nhân; bệnh nhân ở các xã còn lại 200.000 đồng/bệnh nhân.

## **Điều 5. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống lao**

1. Chi mua thuốc điều trị cho bệnh nhân lao (khi có quy định của Bộ Tài chính về thanh toán thuốc chống lao từ Quỹ bảo hiểm y tế cho các đối tượng có thẻ bảo hiểm y tế thì ngân sách nhà nước chỉ đảm bảo cho các đối tượng chưa được thanh toán thuốc chống lao từ Quỹ bảo hiểm y tế), mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại cộng đồng: Mức hỗ trợ 30.000 đồng/bệnh nhân lao AFB.

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 50.000 đồng/xã/tháng.

b) Đối với các xã còn lại: 30.000 đồng/xã/tháng.

4. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng đa thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 170.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6 đến 8 tháng, 150.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị, 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

b) Đối với các xã còn lại: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6 đến 8 tháng; 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị, 150.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 9 tháng hoặc 300.000 đồng/bệnh nhân lao kháng đa thuốc/đợt điều trị 20 tháng.

## **Điều 6. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống sốt rét**

1. Chi mua thuốc, hóa chất, bình phun hóa chất, vật tư phòng, chống sốt rét, mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ thực hiện xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ tiền công tác phí cho cán bộ làm công tác xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu xét nghiệm): 100.000 đồng/người/ngày.

4. Chi hỗ trợ cho cán bộ thực hiện xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu;

5. Chi hỗ trợ người thực hiện xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

6. Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng;

7. Chi hỗ trợ người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm, tối đa không quá 4 ngày 3 đêm/tuần/tháng.

8. Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (tương đương 283.000 đồng/người/ngày) do Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, công phun: 08 hộ/người/ngày, công tẩm: 30 màn/người/ngày.

## **Điều 7. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết**

1. Chi mua hóa chất, máy phun hóa chất, trang thiết bị, vật tư phòng, chống sốt xuất huyết, mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, địa điểm và số lần thực hiện theo kế hoạch đơn vị xây dựng theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt xuất huyết tại gia đình:

a) Xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu.

b) Chi hỗ trợ tiền công tác phí cho cán bộ phối hợp làm công tác xét nghiệm xác định độ nhạy cảm với hóa chất và hiệu lực diệt muỗi của từng loại hóa chất (từ khâu bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu xét nghiệm) 100.000 đồng/người/ngày.

b) Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm): 25.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ tiền công tác phí cho cán bộ làm công tác xét nghiệm phân lập vi rút để xác định тип nhiễm bệnh Sốt xuất huyết trên địa bàn để triển khai các biện pháp phòng chống phù hợp theo quy định hiện hành, mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

4. Chi hỗ trợ người thực hiện xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

5. Chi hỗ trợ cán bộ thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút: 40.000 đồng/mẫu;

6. Chi hỗ trợ người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi: mức hỗ trợ 250.000 đồng/người/ngày.

7. Chi hỗ trợ người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, mức hỗ trợ một ngày tối đa không quá 167.000 đồng/người/ngày, địa điểm và số lần thực hiện theo kế hoạch đơn vị xây dựng theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và các quy định hiện hành liên quan.

#### **Điều 8. Nội dung và mức chi hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần**

1. Chi mua thuốc điều trị cho bệnh tâm thần: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

3. Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyển xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã/tháng.

#### **Điều 9. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, ung thư, tim mạch và phong, chống các rối loạn do thiếu Iốt**

1. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu, mức chi: 5.000 đồng/mẫu.

3. Chi hỗ trợ xét nghiệm nhanh mẫu muối Iốt: 2.000 đồng/mẫu.

4. Chi hỗ trợ khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát 10.000đ/người được khám.

5. Chi nước uống và đường glucose cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu: 10.000 đồng/người.

#### **Điều 10. Nội dung và mức chi hoạt động phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản**

Chi hỗ trợ cán bộ y tế tại hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại cộng đồng:

Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/cán bộ y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

### **Điều 11. Nội dung và mức chi hoạt động tiêm chủng mở rộng**

1. Chi mua bơm kim tiêm, hộp an toàn, vật tư cho tiêm chủng mở rộng; Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu (trong trường hợp Trung ương không cấp cho địa phương để triển khai tiêm chủng).

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ liều theo quy định của chương trình:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 24.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 3.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin);

b) Đối với các xã còn lại: 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều (tương đương 1.500 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin).

3. Chi hỗ trợ cán bộ y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm);

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

4. Chi hỗ trợ cán bộ tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ tuổi sinh đẻ:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/người được tiêm đủ liều;

b) Đối với các xã còn lại: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

5. Chi giám sát, điều tra một trường hợp liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 520.000 đồng/ca bệnh;

b) Đối với các xã còn lại: 400.000 đồng/ca bệnh.

6. Chi giám sát, điều tra một trường hợp nghi uốn ván sơ sinh, nghi sởi, nghi rubella, nghi viêm não Nhật Bản, chết sơ sinh từ ngày phát hiện ca bệnh, điều tra và hoàn thành phiếu điều tra theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

a) Đối với xã đặc biệt khó khăn: 300.000 đồng/ca bệnh;

b) Đối với các xã còn lại: 150.000 đồng/ca bệnh.

### **Điều 12. Nội dung và mức chi hoạt động Dân số - Kế hoạch hóa gia đình**

1. Chi thực hiện dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình, xử lý tai biến theo chuyên môn y tế đối với đối tượng tự nguyện triệt sản và người được cấp miễn phí phương tiện tránh thai:

a) Chi thực hiện dịch vụ Kế hoạch hóa gia đình và xử lý tai biến theo chuyên môn y tế: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

b) Chi hỗ trợ tiêm thuốc tránh thai: Theo giá dịch vụ tiêm hiện hành đối với cơ sở y tế công lập.

c) Hỗ trợ chi phí đi lại (một lượt đi và về) cho người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, bảo trợ xã hội, người tự nguyện triệt sản hoặc được cấp phương tiện tránh thai (vòng, thuốc tiêm, thuốc cấy) miễn phí bị tai biến theo chuyên môn y tế đến kiểm tra tình hình bệnh tại cơ sở y tế chuyên khoa từ tuyến huyện trở lên (đối với các bệnh không thuộc danh mục bệnh do bảo hiểm y tế chi trả và chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác) theo chỉ định của bác sĩ sau khi khám, sàng lọc phát hiện tại cộng đồng: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định về chi phí đi lại tại các văn bản hiện hành.

### 2. Chi hỗ trợ sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh:

a) Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại vùng đặc biệt khó khăn và chưa có thẻ bảo hiểm y tế được hỗ trợ.

#### b) Hoạt động sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh như sau:

- Chi khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định: Mức chi theo giá dịch vụ khám chữa bệnh hiện hành (chi phí này đã bao gồm lấy mẫu máu mao mạch, mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh, mẫu máu ngón tay bà mẹ trong sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh).

- Chi gửi thông báo kết quả sàng lọc của đối tượng (bao gồm cả kết quả âm tính hoặc dương tính) theo giá cước dịch vụ bưu điện hiện hành (nếu có).

- Chi phí đi lại khi phải chuyển tuyến theo phân tuyến chuyên môn kỹ thuật và chỉ định của thủ trưởng cơ sở khám chữa bệnh thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo thẩm quyền: Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định chi phí đi lại tại các văn bản hiện hành.

### 3. Chi khám sức khỏe tiền hôn nhân theo chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định:

Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân sống tại các vùng đặc biệt khó khăn: Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ khám chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập hiện hành.

4. Chi cập nhật thông tin về dân số - kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên: 5.000 đồng/phieu thu thập của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

### **Điều 13. Nội dung và mức chi hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng**

Chi hỗ trợ cho người khuyết tật thuộc hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi (sau đây gọi chung là người khuyết tật) tham gia mô hình phục hồi chức năng:

1. Chi phẫu thuật - chỉnh hình (nếu có) trong trường hợp người khuyết tật không được Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán: theo giá dịch vụ khám chữa bệnh hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập;

2. Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình (nếu có): tối đa không quá 650.000 đồng/bệnh nhân;

3. Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật tối đa không quá 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

#### **Điều 14. Nội dung và mức chi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

1. Chi phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi, hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khoẻ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biếu dương, khen thưởng người cao tuổi.

2. Chi triển khai mô hình điểm về chăm sóc sức khỏe dài hạn, mô hình chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập trung người cao tuổi theo phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Y tế, nội dung và mức chi theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành.

#### **Điều 15. Nội dung và mức chi hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em**

1. Chi mua nguyên vật liệu cho hoạt động thực hành dinh dưỡng, kỹ thuật chế biến thức ăn cho bà mẹ đang mang thai, người chăm sóc trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng hoặc thừa cân béo phì: 6.000 đồng/người.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng: đối với xã đặc biệt khó khăn: 4.000 đồng/trẻ/liều (lần uống), đối với xã còn lại: 2.000 đồng/trẻ/liều (lần uống).

#### **Điều 16. Nội dung và mức chi hoạt động an toàn thực phẩm**

1. Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

a) Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm;

b) Chi hỗ trợ người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này), mức hỗ trợ: tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: mức chi 130.000 đồng/người/ngày, tại các khu vực, địa

điểm khác: 100.000 đồng/người/ngày.

2. Chi xây dựng mô hình điểm về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố, bếp ăn tập thể tại địa phương: Thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp tỉnh tại địa phương quyết định, nội dung và mức chi bao gồm:

a) Chi xây dựng đề cương: 1.000.000 đồng/de cương;

b) Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm cả đánh giá thử để thẩm tra, giám sát hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình): Mức chi theo quy định hiện hành;

c) Các nội dung khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền: mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Lấy mẫu, mua mẫu, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, kiểm tra, hậu kiểm tăng cường các trường hợp có dấu hiệu vi phạm (khi có cảnh báo, sự cố về an toàn thực phẩm, hoặc nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm), thực hiện giám sát mối nguy về an toàn thực phẩm do cấp có thẩm quyền chỉ định: mức chi lấy mẫu, mua mẫu thực phẩm theo quy định hiện hành, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

Chi mua mẫu, phân tích, đánh giá về an toàn thực phẩm theo quy định, mua trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ, hóa chất phục vụ hoạt động chuyên môn, hỗ trợ kinh phí kiểm tra thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm, mua mẫu kiểm nghiệm phục vụ kiểm tra, hậu kiểm bảo đảm an toàn thực phẩm: mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá, quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí): mức chi theo hợp đồng thực tế với đơn vị sản xuất (Đài Phát thanh - Truyền hình và báo).

5. Chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip)) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm, mức chi như sau:

a) Trường hợp đã có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì áp dụng định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Trường hợp chưa có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, chương trình truyền thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, ưu tiên truyền thông qua đài phát thanh xã, phường, thị trấn,

việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

6. Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: Áp dụng theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí; Cổng/Trang thông tin điện tử, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, bản tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

7. Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép:

a) Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 70.000 đồng/người/ngày;

b) Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/ngày, thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ truyền thông quyết định số lượng người tham gia chiến dịch trong phạm vi dự toán được giao, mức chi bồi dưỡng phát thanh viên: 150.000 đồng/người/ngày, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện, trang trí, ảnh tư liệu, thuê hội trường, phông, bạt, bàn, ghế, thiết bị loa, đài và các chi phí hợp lý khác do thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp, mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được duyệt.

#### **Điều 17. Nội dung và mức chi hoạt động phòng, chống HIV/AIDS**

1. Chi mua thuốc kháng vi rút HIV (ARV) cho các đối tượng chưa được thanh toán thuốc kháng vi rút HIV từ Quỹ bảo hiểm y tế, thuốc nhiễm trùng cơ hội, sinh phẩm xét nghiệm HIV, thuốc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, bơm kim tiêm, bao cao su và các vật dụng khác cho phòng, chống HIV/AIDS. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Chi hỗ trợ cán bộ y tế làm công tác tư vấn cho đối tượng nguy cơ cao lây truyền HIV/AIDS, điều trị methadone: 500.000 đồng/người/tháng.

3. Chi hỗ trợ cho cộng tác viên làm nhiệm vụ tại các xã, phường, thị trấn có người nhiễm HIV/AIDS 200.000 đồng/xã/tháng.

4. Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng mức hỗ trợ này và ngược lại.

#### **Điều 18. Nội dung và mức chi hoạt động y tế trường học**

Chi hỗ trợ lồng ghép giảng dạy các kiến thức phòng, chống bệnh, tật học đường trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân:

1. Chi hỗ trợ soạn giáo trình về y tế học đường theo quy định hiện hành.

2. Chi thù lao giảng viên dạy chuyên đề về y tế học đường: Mức chi theo quy định hiện hành.

### **Điều 19. Nội dung và mức chi hoạt động Quân dân y kết hợp**

Chi hỗ trợ công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng y tế cơ động nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp, bao gồm:

1. Bồi dưỡng diễn tập: 200.000 đồng/người/ngày;

2. Chi xây dựng kịch bản, văn kiện diễn tập, trang phục cá nhân, thuê mướn trang thiết bị y tế, phương tiện và các chi phí khác phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập (nếu có): Mức chi xây dựng kịch bản, văn kiện diễn tập theo hợp đồng, do Thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được duyệt.

3. Chi trang phục cá nhân, thuê mướn trang thiết bị, phương tiện và các chi phí khác phục vụ công tác huấn luyện, diễn tập (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

### **Điều 20. Nội dung và mức chi hoạt động truyền thông y tế**

1. Chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí); chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip)) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về chương trình; Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng; Chi trả nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thù lao cho người tham gia thực hiện các công việc liên quan đến tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm, người sưu tầm tài liệu, cung cấp thông tin phục vụ cho việc sáng tạo tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm về thông tin, tuyên truyền; Chi tổ chức các buổi tọa đàm, giao lưu, các lớp giáo dục truyền thông, nói chuyện chuyên đề: Các nội dung chi trên thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí; Cổng/Trang thông tin điện tử; Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện; bản tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chính sách, pháp luật, kiến thức liên quan đến các chương trình, bao gồm:

a) Chi đăng báo và thông tin trên các phương tiện truyền thông để phát động và thông báo thê lệ cuộc thi: Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được giao.

b) Các khoản chi khác (nếu có) như: xây dựng kịch bản; thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi; thuê dẫn chương trình; chi biên soạn đề thi, đáp án, bồi dưỡng Ban giám khảo, Ban tổ chức; chi giải thưởng cho cá nhân, tập thể, bồi dưỡng cho người phục vụ, người dẫn chương trình (MC); văn phòng phẩm; hỗ

trợ chi phí đi lại, tiền ăn, thuê phòng nghỉ cho người dự thi ở xa nơi tổ chức:  
Theo quy định hiện hành.

#### **Điều 21. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân  
cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định./.

Số: 02 /TTTr-SYT

Bình Phước, ngày 09 tháng 01 năm 2023

### TỜ TRÌNH

Đề nghị ban hành Nghị quyết một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế -Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

*Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23/7/2021 của Bộ Y tế về rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương;*

*Căn cứ Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc CTMT Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên.*

Sở Y tế kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Sở Y tế xin gửi kèm các van bản dự thảo sau đây:

(1) *Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế -Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.*

(2) *Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế -Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.*

(3) Dự thảo Tờ trình Ban cán sự Đảng UBND tỉnh;

(4) Dự thảo báo cáo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

(5) Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật chính sách quy định mức chi thực Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016 - 2020.

(6) Biên bản họp lấy ý kiến trực tiếp các sở, ngành và các đơn vị y tế.

(7) Báo cáo tổng hợp ý kiến phản biện của MTTQ-BTT và góp ý của Sở tài chính về dự thảo Nghị quyết.

(8) Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

(9) Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.

Trân trọng!

*Noi nhận:*

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở;
- Lưu VT, VP.



Quách Ái Đức

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
SỞ Y TẾ  
Số: 87 /BC-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Bình Phước, ngày 07 tháng 01 năm 2023

**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH  
Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
Đối với dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ  
công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Công văn 1583/UBND-KGVX ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh; Công văn số 4128/UBND-TH ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về việc khẩn trương hoàn chỉnh nội dung trình kỳ họp chuyên đề của HĐND tỉnh;

Theo Báo cáo thẩm định số 07/BC-STP ngày 07/01/2023 của Sở Tư Pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước,

Sở Y tế đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:

**1. Về hồ sơ**

- Đề nghị Sở Y tế xem xét bổ sung việc lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết cho phù hợp;
- Đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa lại dự thảo Tờ trình đầy đủ theo Mẫu số 03 phụ lục V Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**▪ Ý kiến Sở Y tế:**

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo.

**2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật**

- Đề nghị Sở Y tế phối hợp với Sở Tài chính rà soát để quy định các mức chi hỗ trợ công tác y tế - Dân số cho phù hợp tình hình thực tế địa phương; đồng thời đề nghị Sở Y tế tham khảo mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số của các tỉnh, thành phố có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng với tỉnh Bình Phước để quy định cho phù hợp.

**▪ Ý kiến của Sở Y tế:**

Sở Y tế đã phối hợp với Sở Tài chính thống nhất tại Công văn 3452/STC-HCSN ngày 10/11/2022 và Công văn số 4371/SYT-VP ngày 15/11/2022 của Sở Y tế về việc bổ sung hồ sơ, so sánh nội dung chi, mức chi với các tỉnh thành đã ban hành nghị



quyết cho công tác Y tế - Dân số kèm theo bản tham khảo, sự giống nhau, khác nhau hoặc tương đồng so với một số tỉnh.

- Tại điểm 3.4 khoản 3 mục II dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách đề nghị xây dựng Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước của UBND tỉnh thì dự kiến kinh phí hàng năm bố trí thực hiện CTMT Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước là 16.000.000.000 đồng/năm (mười sáu tỷ đồng). Do đó đề nghị Sở Y tế tham mưu Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với mức chi này cho phù hợp theo quy định tại Quy chế làm việc số 21-QC-TU ngày 25/4/2022 của Tỉnh ủy Bình Phước.

- Ý kiến của Sở Y tế:

Sở Y tế xây dựng dự kiến kinh phí theo nhu cầu các năm trước đã được bố trí chương trình mục tiêu Y tế - Dân số.

### 3. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa lại một số nội dung cho phù hợp, cụ thể:

- a) Đối với dự thảo Nghị quyết

- Về tên gọi của dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Y tế bổ sung cụm từ “Ban hành” vào trước cụm từ “Quy định” cho phù hợp theo quy định tại Mẫu số 17 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Ý kiến Sở Y tế:

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo

- Tại phần căn cứ pháp lý đề nghị Sở Y tế bổ sung căn cứ pháp lý sau cho phù hợp, cụ thể:

*“Thực hiện Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Bộ Y tế về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 -2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các;*

*Thực hiện Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08 tháng 8 năm 2022 của - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc CTMT Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên”.*

- Ý kiến của Sở Y tế:

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo.

- Tại căn cứ pháp lý thứ 4 của dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Y tế chỉnh lại như sau cho phù hợp, cụ thể:

*“Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020”.*

- Tại phần đề nghị ban hành đề nghị Sở Y tế thay thế từ “và” thành cụm từ “ý kiến” cho phù hợp theo quy định tại Mẫu số 17 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Y tế rà soát lại lỗi chính tả,

Đọc dấu câu cho chính xác.

- Ý kiến của Sở Y tế:

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo.

b) Đối với dự thảo Quy định

- Tại phần tên gọi của dự thảo Quy định đề nghị Sở Y tế bỏ cụm từ “Quy định” trước cụm từ “một số nội dung chỉ” cho phù hợp theo quy định tại Mẫu số 17 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Tại Điều 2 dự thảo Quy định đề nghị bỏ cụm từ “tỉnh Bình Phước” cuối Sửa câu cho phù hợp.

- Ý kiến của Sở Y tế:

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo.

- Tại khoản 1 và khoản 7 Điều 7 dự thảo Quy định đề nghị Sở Y tế khi vien dẫn văn bản nào cần trích dẫn đầy đủ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; thẩm quyền ban hành và tên gọi văn bản đó cho cụ thể, phù hợp.

- Ý kiến của Sở Y tế:

Theo góp ý của Sở Tài chính nội dung số 7 tại Công văn số 19/STC-HCSN ngày 04/01/2023 như sau:

Tại khoản 1 Điều 7, đề nghị điều chỉnh nội dung “kế hoạch đơn vị xây dựng theo quyết định số 3711/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ Y tế hoặc các văn bản hiện hành” thành “kế hoạch đơn vị xây dựng theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và các quy định hiện hành có liên quan.”

Vì Vây Sở Y tế thấy phù hợp vì khi có trích dẫn văn bản, số, ký hiệu, ngày ban hành đến khi văn bản đó hết hiệu lực thì Nghị quyết lại phải sửa đổi hay bổ sung nên đã chỉnh sửa theo góp ý của Sở Tài chính.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 19 dự thảo Quy định đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa lại bộ cục Điều, khoản, điểm cho phù hợp theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn các bản quy phạm pháp luật.

- Tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 dự thảo Quy định đề nghị Sở Y tế bổ sung cụm từ “Nội dung và mức chỉ” vào trước tiêu đề cho phù hợp.

- Trong toàn bộ dự thảo Quy định đề nghị Sở Y tế rà soát lại lỗi chính tả, dấu câu cho chính xác.

- Ý kiến của Sở Y tế:

Sở Y tế đã tiếp thu ý kiến, hoàn thiện dự thảo.

Trên đây Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chỉ, mức chỉ hỗ trợ công tác Y tế -

Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sở Y tế kính Báo cáo UBND tỉnh và Sở Tư pháp./.

(Dự thảo Nghị quyết kèm theo).

*Nơi nhận:*

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- GD, các PGD Sở Y tế;
- Lưu VT, VP.



Quách Ái Đức

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ TƯ PHÁP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 7 /BC-STP

Bình Phước, ngày 07 tháng 01 năm 2023

## BÁO CÁO

### Thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Vừa qua, Sở Tư pháp nhận được Công văn số 86/SYT-VP ngày 06/01/2023 của Sở Y tế về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Qua xem xét hồ sơ dự thảo Nghị quyết và các văn bản QPPL có liên quan, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

#### I. Về hồ sơ và trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết

##### 1. Về hồ sơ

Hồ sơ kèm theo Công văn số 86/SYT-VP ngày 06/01/2023 của Sở Y tế đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước cơ bản đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015. Tuy nhiên đề nghị Sở Y tế khi tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết này cần bổ sung bản tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị cho phù hợp theo quy định tại Điều 114 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

Biên bản họp về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước mới chỉ lấy ý kiến của 1 nhóm đối tượng chịu sự tác động của Nghị quyết này, do đó đề nghị Sở Y tế xem xét bổ sung việc lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

Đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa lại dự thảo Tờ trình cho đầy đủ các nội dung theo Mẫu số 03 Phụ lục V Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với Báo cáo số 5008/BC-SYT ngày 30/12/2022 của Sở Y tế về việc Tổng kết thi hành pháp luật Chính sách Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020 đề nghị Sở Y tế không lồng ghép nội dung đánh giá tác động của pháp luật đối với quản

lý nhà nước, phát triển kinh tế xã hội mà chỉ đánh giá kết quả thực hiện và khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

## **2. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Sở Y tế thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Chương VIII Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được Thường trực HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ họp chuyên đề tại Công văn số 541/HĐND ngày 29/12/2022 và được UBND tỉnh giao Sở Y tế khẩn trương hoàn chỉnh nội dung trình kỳ họp chuyên đề của HĐND tỉnh tại Công văn số 4128/UBND-TH ngày 29/12/2022.

## **II. Nội dung thẩm định**

### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã quy định cụ thể phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

### **2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật**

Để nội dung dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, đề nghị Sở Y tế xem xét lại một số nội dung sau:

Nội dung quy định tại Chương II dự thảo Nghị quyết được Sở Y tế xây dựng trên cơ sở kế thừa Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMT Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, do đó đề nghị Sở Y tế phối hợp với Sở Tài chính rà soát để quy định các mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; đồng thời đề nghị Sở Y tế tham khảo mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số của các tỉnh, thành phố có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng với tỉnh Bình Phước để quy định cho phù hợp.

and the corresponding  $\mu$  values are shown in Table 2. The results show that the  $\mu$  values are very similar for all three methods. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are slightly higher than the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator. This is consistent with the fact that the  $\hat{M}_n$  estimator is more efficient than the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are approximately 0.0001, while the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator is approximately 0.0002.

### 3.3. The effect of the parameter $\theta$ on the performance of the proposed estimators

The effect of the parameter  $\theta$  on the performance of the proposed estimators is studied by varying  $\theta$  from 0.0 to 0.5. The results are shown in Table 3. The results show that the  $\mu$  values for all three methods decrease as  $\theta$  increases. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are approximately 0.0001, while the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator is approximately 0.0002. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are slightly higher than the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator. This is consistent with the fact that the  $\hat{M}_n$  estimator is more efficient than the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are approximately 0.0001, while the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator is approximately 0.0002.

### 3.4. The effect of the parameter $\theta$ on the performance of the proposed estimators

The effect of the parameter  $\theta$  on the performance of the proposed estimators is studied by varying  $\theta$  from 0.0 to 0.5. The results are shown in Table 3. The results show that the  $\mu$  values for all three methods decrease as  $\theta$  increases. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are approximately 0.0001, while the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator is approximately 0.0002. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are slightly higher than the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator. This is consistent with the fact that the  $\hat{M}_n$  estimator is more efficient than the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are approximately 0.0001, while the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator is approximately 0.0002.

### 3.5. The effect of the parameter $\theta$ on the performance of the proposed estimators

The effect of the parameter  $\theta$  on the performance of the proposed estimators is studied by varying  $\theta$  from 0.0 to 0.5. The results are shown in Table 3. The results show that the  $\mu$  values for all three methods decrease as  $\theta$  increases. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are approximately 0.0001, while the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator is approximately 0.0002. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are slightly higher than the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator. This is consistent with the fact that the  $\hat{M}_n$  estimator is more efficient than the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator. The  $\mu$  values for the two methods based on the  $\hat{M}_n$  estimator are approximately 0.0001, while the  $\mu$  value for the method based on the  $\hat{M}_{n+1}$  estimator is approximately 0.0002.

*Thực hiện Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ CTMT Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên”.*

- Tại căn cứ pháp lý thứ 4 của dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa lại như sau cho phù hợp, cụ thể:

*“Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020”.*

- Tại phần đề nghị ban hành đề nghị Sở Y tế thay thế từ “và” thành cụm từ “ý kiến” cho phù hợp theo quy định tại Mẫu số 17 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Trong toàn bộ dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Y tế rà soát lại lỗi chính tả, dấu câu cho chính xác.

#### b) Đối với dự thảo Quy định

- Tại phần tên gọi của dự thảo Quy định đề nghị Sở Y tế bỏ cụm từ “Quy định” trước cụm từ “một số nội dung chi” cho phù hợp theo quy định tại Mẫu số 17 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Tại Điều 2 dự thảo Quy định đề nghị bỏ cụm từ “tỉnh Bình Phước” cuối câu cho phù hợp.

- Tại khoản 1 và khoản 7 Điều 7 dự thảo Quy định đề nghị Sở Y tế khi viền dẫn văn bản nào cần trích dẫn đầy đủ tên loại; số, ký hiệu; ngày, tháng, năm; thẩm quyền ban hành và tên gọi văn bản đó cho cụ thể, phù hợp.

*chưa okre  
lai. theo  
i: Nội STP  
Chinh a, b  
thent 1/2* } - Tại điểm b khoản 2 Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 18, Điều 19 dự thảo Quy định đề nghị Sở Y tế chỉnh sửa lại bổ cục Điều, khoản, điểm cho phù hợp theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 dự thảo Quy định đề nghị Sở Y tế bổ sung cụm từ “Nội dung và mức chi” vào trước tiêu đề cho phù hợp.

- Trong toàn bộ dự thảo Quy định đề nghị Sở Y tế rà soát lại lỗi chính tả, dấu câu cho chính xác.

### III. Kết luận

Dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước chi đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh

trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản có liên quan sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình các ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

*Nơi nhận:*

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Y tế;
- Giám đốc (b/c);
- Phó Giám đốc (phụ trách);
- Lưu: VT, PC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Trọng Trí*

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SỞ Y TẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5008 /BC-SYT

Bình Phước, ngày 30 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Tổng kết thi hành pháp luật Chính sách**  
**Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số**  
**trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Đánh giá việc thực hiện**

Trong giai đoạn 2016-2020, thực hiện các Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016- 2020; Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 và Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020. Tỉnh Bình Phước được thực hiện 5 dự án của Chương trình, gồm: Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và một số bệnh không lây nhiễm phổ biến; Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng; Dự án 3: Dân số và phát triển; Dự án 4: An toàn thực phẩm; Dự án 5: Phòng chống HIV/AIDS. Được sự quan tâm của Trung ương, sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, cùng với sự hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương, ngành Y tế Bình Phước đã thu được những thành quả to lớn trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh; trong đó việc triển khai thực hiện các hoạt động Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số của ngành y tế Bình Phước (Chương trình MTYTDS) đã đem lại kết quả nhất định, đạt được đa số mục tiêu Trung ương đề ra trong việc chủ động phòng, chống một số bệnh xã hội, dịch bệnh nguy hiểm, phát hiện dịch sớm, kịp thời khống chế dịch; giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, góp phần thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống; hình thành hệ thống chăm sóc đồng bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở và nâng cao ý thức giữ gìn sức khỏe của người dân.

Với những kết quả đạt được từ các hoạt động, dự án thuộc Chương trình MTYT- DS đã góp phần vào công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là công tác y tế cộng đồng được nâng cao năng lực đáng kể tại tỉnh Bình Phước trong thời gian qua.

Các chỉ tiêu đạt được như sau:

## **Dự án 1: Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến.**

### **1.1. Hoạt động phòng chống Lao**

Giai đoạn 2016-2020: Tỷ lệ thử đàm phát hiện hàng năm được duy trì từ 0,5-0,7% dân số, tỷ lệ phát hiện nguồn lây từ 5,5 - 7,6% (khoảng 13 – 17 người xét nghiệm phát hiện được có nguồn lây). Tỷ lệ điều trị thành công lao các thể đạt từ 85 -90%/năm. Tình hình dịch tễ lao có xu hướng giảm, tuy nhiên giảm chậm theo hàng năm. Tỷ lệ phát hiện nguồn lây thấp 57/100.000 dân. Tỷ lệ người mắc bệnh lao các thể 92/100.000 người dân. Bên cạnh đó công tác vận chuyển mẫu đàm tầm soát lao kháng thuốc trong nhóm đối tượng chưa được nâng cao. Trong thời gian qua trên toàn tỉnh số lượng bệnh nhân AFB (+) mới phát hiện hàng năm có xu hướng giảm do đa số bệnh nhân lên tuyến trên.

### **1.2. Hoạt động phòng chống Phong**

Năm 2020 không phát hiện ca bệnh mới. Nhìn chung, số bệnh nhân phong quản lý trên địa bàn tỉnh ngày càng giảm dần (quản lý năm 2016: 120, năm 2020 còn 85), một số bệnh nhân sau khi giám sát xong không tàn tật nên không đưa vào diện quản lý nữa, tình hình chăm sóc tàn tật duy trì tốt, không có tàn tật thêm (số bệnh nhân chăm sóc tàn tật năm 2016: 96, năm 2020: 84), số bệnh nhân bị phản ứng được phát hiện kịp thời điều trị và theo dõi sát cho từng bệnh nhân. Chuẩn bị loại trừ bệnh phong tuyến huyện tại Đồng Xoài, Phước Long, Đồng Phú.

Trong giai đoạn 2016 - 2020 đã phát hiện được 08 bệnh nhân mới (01 BN điều trị lại) không có bệnh nhân trẻ em, bệnh nhân tự phát hiện. Bệnh mới năm 2020 giảm 02 ca so với năm 2016 (00/02). Tất cả bệnh nhân phong mới đều được đưa vào quản lý điều trị. Bên cạnh đó Trung tâm luôn đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục sức khỏe về bệnh phong trong cộng đồng, thực hiện chăm sóc lỗ đáo tích cực cho bệnh nhân và hướng dẫn cho bệnh nhân và người nhà cách tự chăm sóc do vây tinh hình lỗ đáo ngày càng giảm.

### **1.3. Hoạt động phòng chống sốt rét (SR)**

Trong giai đoạn số người mắc sốt rét năm 2020 so với năm 2016 giảm 89,6% (117/1.121), sốt rét ác tính năm 2020 giảm 03 ca so với năm 2016 (00/03). Không có dịch SR ra. Nhìn chung tình hình sốt rét tại Bình Phước còn diễn biến phức tạp, giai đoạn 2016-2020 mặc dù BNSR giảm, không có dịch sốt rét xảy ra nhưng số BNSR có KST tập trung chủ yếu tại 2 huyện Bù Gia Mập và Bù Đăng (chiếm khoảng 62% BNSR có KST so với toàn tỉnh). Trong đó chủ yếu tại 3 xã là Đăk O, Bù Gia Mập (huyện Bù Gia Mập) và xã Đăk Nhau (huyện Bù Đăng). Trên địa bàn tỉnh hiện có dân di biến động lớn tại địa phương ngoài sự kiểm soát của Ngành y tế, là dân di cư tại chỗ, dân vãng lai đến làm thuê, dân làm ăn ở Campuchia, đi làm rừng, làm kinh tế vườn, khai thác nông lâm thổ sản theo mùa vụ. Đây là yếu tố nguy cơ làm gia tăng và khó kiểm soát tình hình SR (Số KST ngoại lai năm 2016: 336, 2017: 437, 2018: 212, 2019: 26, 2020: 07). Bên cạnh đó còn có các Dự án hỗ trợ (RAI2E, CHAI, PSI, HPA...) đặc biệt trong công tác phòng chống véc tơ như cấp mìn tồn lưu dài cho người dân sống tại vùng sốt rét lưu hành (3, 4, 5). Cung

cấp bổ sung võng mành, kem xua cho nhóm dân đi rừng ngủ rãy. Viện Sốt rét- Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương hàng năm cũng tổ chức các đội tăng cường cho các điểm nóng. Nhìn chung hiện tại công tác giám sát véc tơ và giám sát công tác phòng chống véc tơ của huyện còn yếu và thiếu cả về số lượng và năng lực cán bộ chuyên trách côn trùng, cho nên việc đào tạo cho cán bộ côn trùng tuyến huyện là nhu cầu cấp thiết để cải thiện công tác phòng chống véc tơ của tỉnh Bình Phước.

#### **1.4. Hoạt động phòng chống Sốt xuất huyết (SXH)**

Tình hình sốt xuất huyết trong giai đoạn 2016-2020 tỷ lệ mắc SXH trung bình 375/100.000 dân so với tỷ lệ mắc trung bình giai đoạn 2011-2015 tăng 128 ca (247/100.000 dân), tỷ lệ tử vong hàng năm dưới 0,09% (giai đoạn 2011-2015: 1,22%). Tuy nhiên tình hình sốt xuất huyết diễn biến vô cùng phức tạp. Trước tình hình đó, đơn vị đã triển khai nhiều biện pháp như truyền thông, tập huấn cho các đối tượng, phun hóa chất diện rộng, giám sát ca bệnh, xử lý ổ dịch.

#### **1.5. Phòng chống các bệnh truyền nhiễm khác**

- **Phòng chống covid-19:** Năm 2020 tỉnh Bình Phước chưa phát hiện ca bệnh dương tính với Covid-19. Tổng số người cách ly trên địa bàn tỉnh là 6.823. Công tác phòng chống dịch được phát hiện sớm và không chế kịp thời.

- **Phòng chống bệnh bạch hầu:** Tổng số mắc năm 2020 là 02 ca (Bù Đăng, Lộc Ninh). Không có ca tử vong và không có dịch xảy ra. Tích cực phun hóa chất khử khuẩn, tiêm phòng vắc xin và cho uống kháng sinh dự phòng cho các đối tượng có yếu tố nguy cơ tại vùng nguy cơ cao. Trong giai đoạn bệnh bạch hầu xuất hiện tại tỉnh năm 2016 và năm 2020 đều được không chế kịp thời.

- **Dại** năm 2020 số trường hợp bị mắc và đều tử vong 03 ca (Đồng Xoài 01, Đồng Phú 02). Nguyên nhân do người dân chủ quan không chích ngừa vắc xinẠI. Tích cực truyền thông và vận động người dân chích ngừa vắc xinẠI sau khi bị động vật cắn.

- **Bệnh sốt phát ban/nghi sởi:** Tổng số mắc 47 ca, không có tử vong. Năm 2020 ghi nhận 48 ca, giảm 95,4% so với cùng kỳ (1.035 ca), không có tử vong.

- **Phòng chống bệnh tay-chân-miệng:** Năm 2020 tổng số mắc 714 ca, giảm 36,7% so với cùng kỳ (1.129 ca). Không có tử vong và không có dịch xảy ra.

- **Uốn ván sơ sinh:** Tổng số mắc 03 ca, tử vong 01 ca tập trung tại Bù Gia Mập.

#### **1.6. Hoạt động phòng chống các bệnh không lây nhiễm (KLN)**

**Ung thư:** Tại tỉnh chưa có cơ sở điều trị ung thư. Năm 2019 TTGSBT mới bắt đầu triển khai. Bước đầu tỉnh tổ chức 03 lớp tập huấn truyền thông cho cộng tác viên, YTTB với 141 học viên tham dự, 11 lớp tập huấn chuyên môn cho cán bộ Y tế về phòng chống bệnh Ung thư với 440 học viên, tổ chức truyền thông trên loa phát thanh tại 111 xã, phường, thị trấn. Năm 2020 đơn vị chỉ cấp các tài liệu truyền thông cho các tuyến;

*Tăng huyết áp:* Tổng số phát hiện cộng dồn 14.849 (bệnh mới 12.672), quản lý 11.509, tổng số được khám, cấp thuốc 6.391, điều trị đạt hiệu quả 2.628;

*Đái tháo đường:* Tổng số phát hiện cộng dồn 5.936 (bệnh mới 4.670), quản lý 3.996, tổng số được khám, cấp thuốc 1.967, điều trị đạt hiệu quả 913;

*Rối loạn do thiếu I ót:* Tổng số phát hiện cộng dồn 369 (bệnh mới 220), quản lý 291, tổng số được khám, cấp thuốc 29, điều trị đạt hiệu quả 14;

*Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính (COPD):* Tổng số phát hiện cộng dồn 406, trong đó bệnh mới 189;

*Tâm thần:* Tổng số phát hiện cộng dồn bệnh tâm thần phân liệt 980 (bệnh mới 39), quản lý 527 và tổng số phát hiện cộng dồn bệnh động kinh 786 (bệnh mới 58), quản lý 522.

Nhìn chung trong giai đoạn 2016-2020 công tác phòng chống các bệnh không lây nhiễm vẫn còn gặp nhiều khó khăn: một số huyện, thị cán bộ làm Dự án chưa có chuyên khoa, chuyên môn một số cán bộ y tế tuyển xã, phường, thị trấn chưa đáp ứng được nhu cầu khám và điều trị. Người dân chưa quan tâm về phòng bệnh các bệnh không lây nhiễm. Các đơn vị chưa chủ động triển khai sàng lọc đối tượng có yếu tố nguy cơ hoặc nghi ngờ để giới thiệu đến cơ sở y tế khám chẩn đoán sớm và chủ động hướng dẫn dự phòng.

### **Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng (TCMR).**

Trong giai đoạn 2016-2020 toàn tỉnh, các chỉ tiêu về TCMR đều không đạt với mục tiêu đề ra và giảm nhiều so với giai đoạn trước như: tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi hằng năm chỉ đạt > 90% (giai đoạn 2011-2015 đạt > 95%). Do công tác quản lý, vận động đối tượng tham gia tiêm chủng thực hiện chưa tốt, thay đổi vắc xin mới, thực hiện báo cáo theo phần mềm tiêm chủng..... Kinh phí để triển khai các hoạt động trong TCMR chủ yếu từ nguồn ngân sách địa phương, trong khi đó kinh phí thực hiện Chương trình về đến TTKSBT muộn. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai, thực hiện và kết quả tiêm chủng.

### **Dự án 3 : Dân số và phát triển (Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em)**

Từ năm 2016-2020 Bình Phước đã đạt được nhiều thành tựu về cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho cộng đồng. Ngành y tế đã tích cực phối hợp với các ngành liên quan triển khai hiệu quả việc cải thiện tình trạng dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe người dân và đã đạt được những kết quả quan trọng. Công tác xây dựng kế hoạch, theo dõi đánh giá hoạt động được triển khai có hệ thống, đồng bộ và khách quan hiệu quả.

Trong giai đoạn số trẻ từ 6 – 60 tháng tuổi được uống vitamin A 02 lần/năm, trung bình đạt: 98,5% (KH > 95%), số bà mẹ sau sinh trong vòng 01 tháng được uống vitamin A, trung bình đạt 95,3% (KH > 85%). Số trẻ em dưới 5 tuổi có nguy cơ thiếu vitamin A (Sởi, Tiêu chảy kéo dài, Viêm đường hô hấp cấp, Suy dinh dưỡng nặng) là 32.116 trẻ. Đảm bảo 100% tại các bệnh viện, Trạm Y tế xã luôn có sẵn vitamin A tại chỗ để triển khai thường xuyên.

#### **Dự án 4: An toàn thực phẩm**

Giai đoạn 2016-2020 đạt chỉ tiêu đề ra. Tỷ lệ người lãnh đạo, quản lý hiểu đúng và được cập nhật lại kiến thức về ATTP từ 70% trở lên. Tỷ lệ người sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng thực phẩm hiểu đúng và được cập nhật lại kiến thức về ATTP từ > 80%. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP từ 85% trở lên. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm ngành Y tế được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP từ 85% trở lên. Tỷ lệ cán bộ làm công tác an toàn thực phẩm tại tuyến cơ sở (huyện/thị xã/thành phố; xã/phường/thị trấn) được bồi dưỡng nâng cao về nghiệp vụ chuyên môn và kiến thức về ATTP từ > 90%. Tỷ lệ không chế tối đa dân mắc ngộ độc thực phẩm/100.000 dân dưới 7 ca (trong giai đoạn 2016-2020: có 3 năm chưa không chế đc vụ ngộ độc năm 2016 ghi nhận 32,3 ca; năm 2018 ghi nhận 7,2 ca; năm 2020 ghi nhận 15,2 ca.

#### **Dự án 5 : Phòng, chống HIV/AIDS**

Tính đến ngày 31/10/2020, số trường hợp nhiễm HIV mới 96 (địa phương 80), HIV tích lũy là 3.484 người (địa phương 2.487), số bệnh nhân AIDS mới 72 (địa phương 68), AIDS tích lũy 1.563 (địa phương 1.419); số người nhiễm HIV tử vong mới 08, tử vong tích lũy 308 trường hợp. Tổng số mẫu giám sát 8.369, trong đó dương tính 107 mẫu. Số bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone là 84. Trong công tác chăm sóc, hỗ trợ điều trị HIV/AIDS tăng cường phối hợp giữa chương trình phòng, chống HIV/AIDS và chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, chương trình Lao, chương trình STIs trong công tác sàng lọc phát hiện HIV, số bệnh nhân đang điều trị ARV 821, trong đó có 31 bệnh nhân là trẻ em. (tỷ lệ tham gia BHYT 90%), tỷ lệ bệnh nhân điều trị ARV được xét nghiệm tái lượng vi rút >82.

Trong giai đoạn 2016-2020: Công tác giáo dục truyền thông ngày càng mở rộng, kiến thức người dân hiểu biết về dịch HIV ngày càng nâng cao. Tỷ lệ HIV từ mẹ sang con được không chế < 2%. Công tác phối hợp với các cơ quan, ban ngành đoàn thể được duy trì. Bên cạnh đó còn có các chỉ tiêu đạt thấp như số mẫu giám sát ngày càng giảm, số bệnh nhân HIV, AIDS quản lý thực tế ít hơn nhiều so với số liệu báo cáo (trung tâm đang điều tra số liệu quản lý thực tại địa phương) nguyên nhân trước đây khi khai thác thông tin bệnh nhân chung chung, không cụ thể từng địa điểm với lại do sự e ngại của bệnh nhân và sự kỳ thị của cộng đồng và nhiều nguyên nhân khách quan khác. Cũng vì lý do trên trong đánh giá tỷ lệ người điều trị ARV thấp.

#### **Một số hoạt động y tế khác**

Công tác chăm sóc mắt: Năm 2020 được địa phương hỗ trợ một phần kinh phí điều tra tật khúc xạ học đường tại các trường THCS huyện Bù Đăng và Hòn Quản với tổng số sàng lọc 15.140 học sinh, trong đó 675 học sinh mắc tật khúc xạ chiếm 4,5%.

Hoạt động y tế lao động: Quan trắc môi trường lao động được 162 doanh nghiệp tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2019. Tập huấn cho doanh nghiệp về an toàn vệ sinh lao động và sơ cấp cứu ban đầu được 03 lớp (KH 09 lớp). Phối

hợp đoàn liên ngành kiểm tra an toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ cho 08 doanh nghiệp. Truyền thông về VSLĐ và sơ cấp cứu cho các cán bộ y tế và người lao động của doanh nghiệp được 7.725 người. Công tác điều tra tai nạn lao động chưa thực hiện do chưa có kinh phí. Hiện tại chỉ mới phối hợp với Sở lao động thương và Xã hội để điều tra TNLĐ ở doanh nghiệp.

Hoạt động Y tế trường học: Truyền thông giáo dục sức khỏe 429/429 trường đạt 100% KH. Giám sát tình hình dịch bệnh Covid trong trường học 378/429 đạt 79,9%. Các trường đều làm tốt công tác quản lý trong nhà trường không để xảy ra ra tình trạng ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích, dịch bệnh trong nhà trường.

## **2. Đánh giá chất lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành**

Việc ban hành văn bản phù hợp với mục tiêu và giải pháp của Chính phủ đề ra tại mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới, các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới và Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 về việc phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam, Bộ Y tế đã có Công văn số 7272/BYT-KHTC ngày 27/12/2020 gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai các giải pháp để duy trì và nâng cao các kết quả của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong giai đoạn tới, trong đó có nội dung: “Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính về các nội dung, định mức chi, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Y tế và các đơn vị của tỉnh chủ động xây dựng nội dung, hoạt động chủ yếu của Chương trình trong kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và dự toán ngân sách 3 năm giai đoạn 2021-2023, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chú ý bảo đảm ngân sách chi chế độ cho nhân viên y tế, cộng tác viên”.

Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23/7/2021 của Bộ Y tế về việc rà soát, chuyển đổi nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu y tế - dân số giai đoạn 2016-2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, cơ quan, địa phương; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, trường hợp Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quyết định nội dung chi, mức chi vận dụng quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính để thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương; đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Bội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp”.

Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, trong đó quy định đối với các chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo thẩm quyền, ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Trung ương ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo

đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ.

Như vậy, việc xây dựng Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số là phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tình hình thực tế của tỉnh Bình Phước.

### **3. Đánh giá về tác động của pháp luật đối với quản lý nhà nước, phát triển kinh tế, xã hội**

#### **a. Hiệu quả về y tế**

Kể từ năm 2015, hầu hết chỉ tiêu của các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, tỉnh Bình Phước thực hiện đều vượt và duy trì ở mức cao so với mục tiêu của Bộ Y tế đề ra. Ngành Y tế luôn duy trì các hoạt động tuyên truyền như tập huấn, tư vấn, truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng .v.v nhằm phổ biến kiến thức về y học cho người dân trên toàn địa bàn tỉnh. Cung ứng đầy đủ và có chất lượng các dịch vụ y tế dự phòng; chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai đồng bộ các hoạt động thuộc chương trình mục tiêu Y tế - dân số, phòng chống dịch bệnh trên người ở các tuyến; qua các năm đảm bảo đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu chuyên môn đã được công nhận thực hiện loại trừ bệnh phong quy mô cấp tỉnh năm 2014 và tiến tới loại trừ bệnh phong cấp huyện giai đoạn 2020-2025. Số trẻ < 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ hàng năm đều đạt trên 90%; tỷ lệ ổ dịch Sốt xuất huyết được xử lý đều đạt trên 90; công tác ATVSTP đảm bảo tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm/100.000 dân đạt dưới 7. Tỷ suất nhiễm HIV/100.000 dân thấp hơn bình quân của cả nước; đảm bảo quy mô dân số ổn định, duy trì mức sinh thay thế và tỷ số giới tính khi sinh đạt 111 bé trai/100 bé gái. Mức giảm sinh đạt từ 0,4‰ - 0,7‰ (giai đoạn 2011-2015), từ năm 2016 đến nay giảm xuống và duy trì hàng năm mức 0,2‰ v.v. Tất cả Trạm Y tế trên địa bàn đều đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định 4667/QĐ-BYT. Ngành Y tế đang triển khai phần mềm “Hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân tại tuyến y tế cơ sở”; phần mềm thống kê y tế điện tử và bước đầu triển khai phần mềm duy nhất tại Trạm Y tế theo Quyết định 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020. Chất lượng dân số ngày một nâng cao, tuổi thọ trung bình đạt 73 vào năm 2015 và đến nay đã tăng lên trên 75,5 tuổi. Các hoạt động về phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em được triển khai đầy đủ. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi (thể nhẹ cân) giảm từ 14,4% năm 2015 xuống còn 14% năm 2018 và suy dinh dưỡng thể thấp còi (thể nhẹ cân) giảm từ 27,8% năm 2015 xuống còn 27,3% năm 2018. Năm 2020 thể nhẹ cân giảm xuống còn 13,3%; thể thấp còi giảm xuống còn 25,3%<sup>1</sup>.

Nhờ có Chương trình MTYTDS, ngành y tế địa phương đã mạnh dạn triển khai nhiều mô hình y tế hay tại địa phương như mô hình quản lý bệnh không truyền nhiễm tại cộng đồng, từng bước triển khai phát triển mô hình y tế cơ sở theo nguyên lý y học gia đình, năng lực triển khai các hoạt động mang tính chất cộng đồng được tăng lên ...

---

<sup>1</sup> Theo đánh giá của Viện dinh dưỡng tại Công văn số 1258 ngày 30/12/2020

### **b. Hiệu quả về kinh tế**

Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả tập trung vào việc bảo vệ, tăng cường và duy trì sức khỏe, dự phòng bệnh tật, tàn phế và tử vong. Các hoạt động của chương trình như đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe, tiêm vaccine phòng bệnh... nhằm hạn chế phơi nhiễm với yếu tố nguy cơ; đo huyết áp thường xuyên để phát hiện và điều trị sớm nhằm làm giảm nguy cơ của các bệnh tim mạch; xét nghiệm sàng lọc phát hiện sớm ung thư cổ tử cung... nhằm phát hiện sớm ở giai đoạn chưa có biểu hiện triệu chứng lâm sàng; điều trị bệnh và phục hồi chức năng hiệu quả nhằm làm giảm tàn phế và tử vong; Hiệu quả của các hoạt động của chương trình là rất rõ rệt, bảo vệ sức khỏe dự phòng bệnh tật, và nâng cao chất lượng cuộc sống, làm giảm chi phí trong chẩn đoán và điều trị. Điển hình nhất là tiêm vaccine phòng bệnh. Thực tế cho thấy, nhờ tiêm chủng vaccine đã làm giảm đáng kể tỷ lệ người mắc và chết của nhiều bệnh nhiễm trùng, cũng như tiết kiệm chi phí cho điều trị và giảm chi phí mất đi do bố mẹ và người chăm sóc phải nghỉ việc không lương để chăm sóc trẻ ốm. Chi phí cho điều trị lớn gấp nhiều lần chi phí cho việc triển khai tiêm chủng phòng bệnh.

Kinh phí thực hiện: kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu y tế dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016 - 2020 là 59.683 triệu đồng, trong đó nguồn Trung ương 35.261 triệu đồng (chiếm 59%), ngân sách tỉnh là 24.422 triệu đồng<sup>2</sup> (chiếm 41%).

Dự kiến kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình cho giai đoạn **2021-2025 là 16.000.000.000 đồng/năm.**

### **c. Hiệu quả về an ninh, an toàn và trật tự xã hội**

Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được sự quan tâm của Trung ương, chính quyền địa phương, trong giai đoạn 2016-2020 việc triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã đem lại kết quả nhất định đạt được mục tiêu mà Trung ương đã đề ra trong việc chủ động phòng, chống một số bệnh xã hội, dịch bệnh nguy hiểm, phát hiện dịch sớm, kịp thời khống chế dịch; giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; được khám sàng lọc nhằm phát hiện sớm bệnh để được chăm sóc, điều trị sớm như lao, tim mạch, đái tháo đường, ung thư,... góp phần thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống; hình thành hệ thống chăm sóc đồng bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở và nâng cao ý thức giữ gìn sức khỏe của người dân.

## **II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC, NGUYÊN NHÂN**

Căn cứ Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu (CTMT) Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 và Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số

<sup>2</sup> Ngân sách tỉnh từ năm 2018 -2020

giai đoạn 2016-2020 thì giai đoạn thực hiện CTMT Y tế - Dân số 2016-2020 đã kết thúc và hết hiệu lực.

Căn cứ vào mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới, các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 về việc phê duyệt Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới và Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 về việc phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam, Bộ Y tế đã có Công văn số 7272/BYT-KH-TC ngày 27/12/2020 gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai các giải pháp để duy trì và nâng cao các kết quả của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trong giai đoạn tới, trong đó có nội dung: “Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Sở Tài chính về các nội dung, định mức chi, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo Sở Y tế và các đơn vị của tỉnh chủ động xây dựng nội dung, hoạt động chủ yếu của Chương trình trong kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và dự toán ngân sách 3 năm giai đoạn 2021-2023, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chú ý bảo đảm ngân sách chi ché độ cho nhân viên y tế, cộng tác viên”.

Ngày 26/10/2020 UBND tỉnh có công văn số 2660/VPUBND-KGVX về việc hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo đảm ngân sách địa phương cho các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025. Sở Y tế đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng dự thảo Kế hoạch trình HĐND, tuy nhiên còn vướng mắc về một số nội dung chi, mức chi cho chương trình Y tế - Dân số nên tạm thời chưa ban hành Kế hoạch bảo đảm ngân sách địa phương cho các hoạt động thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025 tại Công văn số 550/VPUBND – KGVX ngày 16/3/2021.

Ngày 08/8/2022, Bộ Tài chính đã có Công văn số 7852/BTC-HCSN gửi Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, trong đó Bộ Tài chính hướng dẫn các địa phương như sau:

- Thực hiện Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên đến nay đã kết thúc giai đoạn thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số theo quyết định 1125/QĐ -TTg. Theo đó, các văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình mục tiêu này, bao gồm thông tư 26/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính không còn được áp dụng.

- Giai đoạn 2021-2025, căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã thực hiện lồng ghép Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số vào nội dung chi các chương trình mục tiêu Quốc gia và hoạt động thường xuyên của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương. Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện tại các đại phuơng như sau:

+ Các cơ Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi thuộc chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên (Điểm a, Khoản 2, Điều 3, Thông tư số 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022).

+ Căn cứ điều 30 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước, trong đó quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Vì vậy việc quy định chế độ, định mức chi các hoạt động, nhiệm vụ chi của chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ thường xuyên để thực hiện tại địa phương; đề nghị thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước và Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Riêng những chế độ chi có tính chất tiền lương, tiền công, phụ cấp, trước khi quyết định phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Bội vụ, Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực trực tiếp.

Với mục tiêu chủ động phòng, chống một số dịch bệnh, phát hiện dịch sớm, kịp thời khống chế, không để dịch lớn xảy ra; Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ chết do một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm; Khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổi biến, bệnh, tật lứa tuổi học đường. Để duy trì duy trì và phát huy kết quả của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước trong giai đoạn tới, cần thiết phải triển khai các hoạt động chuyên môn của Chương trình được thông suốt và đồng bộ nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Sở Y tế phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Nghị quyết quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025.

Một số nội dung hoạt động Chương trình mục tiêu y tế dân số giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 1125/QĐ-TTg ngày 31/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ không có trong hướng dẫn nguồn kinh phí thực hiện chương trình tại Thông tư số 26/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính nên còn gặp khó khăn gây ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện hoạt động (Hoạt động Y tế trường học: Thực hiện các hoạt động giáo dục sức khỏe, thay đổi hành vi về phòng, chống bệnh, tật lứa tuổi học đường cho học sinh; Thực hiện các hoạt động dự phòng, phát hiện sớm nguy cơ, tư vấn, chăm sóc, quản lý sức khỏe học sinh. Triển khai khám chuyên khoa, phát hiện các bệnh, tật thường gặp ở lứa tuổi học đường; Triển khai các hoạt động cho học sinh tự phát hiện sớm các vấn đề sức khỏe học đường; ...).

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Để việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số đảm bảo đúng quy định hiện hành, Sở Y tế báo cáo UBND tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thống nhất chủ trương cho phép vận dụng các nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2018, thực tiễn triển khai các hoạt động Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước (chế độ, định mức chi các hoạt động, nhiệm vụ chi) để xây dựng nghị quyết Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025

Sở Y tế kính báo cáo./.

*Nơi nhận:*

- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Sở LĐTBXH;
- Lưu: VT, VP (Bs Hằng).



Quách Ái Đức

Số: 85 /BC-SYT

Bình Phước, ngày 06 tháng 01 năm 2023

## BÁO CÁO

### Kết quả tiếp thu ý kiến phản biện, góp ý dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Công văn 1583/UBND-KGVX ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh; Công văn số 4128/UBND-TH ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về việc khẩn trương hoàn chỉnh nội dung trình kỳ họp chuyên đề của HĐND tỉnh,

Đến nay, Sở Y tế đã họp lấy ý kiến trực tiếp các cơ quan, đơn vị liên quan (kèm biên bản họp ngày 16/11/2022 của Sở Y tế); Công văn số 1970/MTTQ-BTT ngày 05/01/2023 của Ủy Ban Mật trận Tổ Quốc Việt nam về tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “Quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số; Công văn số 19/STC – HCSN ngày 04/01/2023 của Sở Tài chính về góp ý kiến của các Sở. Sau quá trình tiếp thu, chỉnh sửa, đồng thời bổ sung một số nội dung, số liệu của bản dự thảo kế hoạch, Sở Y tế xin báo cáo cụ thể như sau:

#### A. Ý kiến phản biện của UBMTTQ Việt Nam tỉnh:

##### I. Ý kiến phản biện đồng tình với dự thảo Nghị Quyết

###### 1. Sự cần thiết, tính pháp lý và thực tiễn ban hành Nghị quyết

1.1. Việc ban hành Nghị quyết là rất cần thiết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động Chương trình mục tiêu (CTMT) Y tế - Dân số trở thành nhiệm vụ thường xuyên; thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, nâng cao năng lực công tác chăm sóc sức khỏe và chất lượng cuộc sống Nhân dân.

Việc ban hành Nghị quyết trên cơ sở kế thừa kết quả việc thực hiện Quyết định số 1125/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 và Thông tư số 26/2018/TT-BTC, ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính, quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMT Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020; đến nay đã hết hiệu lực, theo đó, hoạt động CTMT Y tế - Dân số hiện nay được chuyển thành nhiệm vụ chỉ thường xuyên trên cơ sở Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08/8/2022 của Bộ Tài chính gửi Bộ Y tế và Ủy ban nhân

dân các tỉnh, thành phố về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc CTMT Y tế - Dân số chuyên thành nhiệm vụ chi thường xuyên.

Đồng thời, trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định đối với các chế độ, chính sách, nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương do Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định theo thẩm quyền, ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chỉ tiêu do Trung ương ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương không hỗ trợ nên việc ban hành Nghị quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện công tác Y tế - Dân số hiện nay.

1.2. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết: Nghị quyết cơ bản thực hiện đúng các quy định của Trung ương và thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; đồng thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương về các nội dung, mức chi, hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số đảm bảo theo đúng trình tự, quy định pháp luật hiện hành; đồng thời, góp phần giữ vững tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

Việc ban hành chính sách cơ bản phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại địa phương nhằm tăng cường nâng cao trình độ cho nhân viên y tế trong công tác phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh, duy trì và nâng cao các kết quả của CTMT Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ ban hành Nghị quyết, đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và tình hình thực tế của tỉnh. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã có báo cáo đánh giá tác động khá cụ thể, toàn diện. Đây là cơ sở quan trọng để cơ quan có thẩm quyền ban hành Nghị quyết.

1.3. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã có báo cáo Tổng kết thi hành pháp luật, chính sách Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016- 2020. Đây là căn cứ rất quan trọng để xây dựng Nghị quyết.

**2. Về Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:** theo dự thảo Quy định (ban hành kèm theo Nghị quyết) là phù hợp tình hình thực tế của tỉnh và các văn bản pháp luật hiện hành.

## **II. Ý kiến phản biện xã hội liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết**

**1. Đối với căn cứ ban hành Nghị quyết (trong dự thảo Nghị quyết):** Đề nghị xem xét cân nhắc, không nên đưa vào Dự thảo Nghị quyết 02 căn cứ sau:

*Thực hiện Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Bộ Y tế về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 – 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương;*

*Thực hiện Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08 tháng 8 năm 2022 của - Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc CTMT Y tế - Dân số chuyên thành nhiệm vụ chi thường xuyên”*

Vì về bản chất Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên và Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên...; còn Công văn là loại văn bản hành chính được dùng phổ biến trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Các cơ quan Nhà nước sử dụng Công văn làm phương tiện giao tiếp, trao đổi, báo cáo, đề xuất với cấp trên; trao đổi thông tin qua lại giữa các cơ quan ngang cấp, các tổ chức, cá nhân có liên quan và triển khai, hướng dẫn cấp dưới và công dân tổ chức thực hiện một nội dung, văn bản hành chính, tư pháp,... nào đó. Ngoài ra, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp cũng soạn thảo và sử dụng Công văn trong hoạt động hàng ngày để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình. Mặt khác, theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, Công văn không phải văn bản quy phạm pháp luật cho nên nếu lấy 02 Công văn này làm căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước thì không phù hợp và đảm bảo đúng quy định.

Bên cạnh đó, Công văn số 5925/BYT-KH-TC, ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Bộ Y tế chỉ đạo về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số cho giai đoạn 2016 – 2020, còn Nghị quyết HĐND tỉnh Bình Phước “Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước dự kiến được thông qua và hiệu lực từ năm 2023 (như dự thảo ghi), tức là phạm vi về thời gian của Công văn này, để áp dụng làm căn cứ ban hành Nghị quyết cũng chưa phù hợp.

- Trong dự thảo Quy định (ban hành kèm Nghị quyết) có một số văn bản Quy pháp pháp luật được trích dẫn để áp dụng, như: Thông tư số 21/2011/TT-BTC (được thay thế bằng Thông tư số 96/2018/TT-BTC); Quyết định số 3711/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 09 năm 2014 của Bộ Y tế...để nghị cơ quan soạn thảo nên xem xét nên bổ sung vào Phần căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết, để đảm bảo sự thống nhất trong ban hành văn bản pháp quy.

### **3. Đối với các Nội dung dự thảo Quy định (ban hành kèm theo Nghị quyết)**

#### **3.1. Đối với khoản a, Điều 14 dự thảo Quy định: Chỉ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, có quy định:**

"a) Chi phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khỏe: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính.

định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biếu dương, khen thưởng người cao tuổi"

Tuy nhiên, theo cập nhật từ Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật cho thấy: *Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biếu dương, khen thưởng người cao tuổi*" **đã được thay thế bằng** *Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài Chính định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người guy cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biếu dương, khen thưởng người cao tuổi.* Mặt khác, tại khoản 1, Điều 3, Thông tư số 96/2018/TT-BTC có quy định rất cụ thể nội dung, mức chi chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo kịp thời cập nhật Thông tư số 96/2018/TT-BTC vào khoản a, Điều 14, dự thảo Quy định để việc triển khai thực hiện Nghị quyết được kịp thời, hiệu quả, đúng quy định để việc triển khai thực hiện Nghị quyết được kịp thời, hiệu quả, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của người cao tuổi.

Đề nghị Sở Y tế có văn bản tiếp thu giải trình gửi cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và thành phần tham gia phản biện xã hội theo đúng quy định (*chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản biện xã hội; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn nhưng không quá 30 ngày và có giải cụ thể*).

### B. Ý kiến góp ý của Sở Tài chính:

1. Tại khoản 6 Điều 3 quy định các nội dung chi về hoạt động An toàn vệ sinh thực phẩm, do đó đề nghị rà soát, điều chỉnh bổ sung vào Điều 16 cho phù hợp.

2. Tại khoản 2 Điều 4 đề nghị điều chỉnh cụm từ "ngoài chế độ công tác phí hiện hành" thành "ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành".

3. Tại khoản 2, khoản 4 Điều 6 đề nghị làm rõ nội dung chi là chi hỗ trợ cho nhân viên y tế thực hiện xét nghiệm hay là hỗ trợ chi phí thực hiện một xét nghiệm.

4. Tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7, đề nghị làm rõ nội dung "phối hợp" là gồm những công việc nào trong quy trình bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm. Trong trường hợp không rõ được nội dung này, Sở Tài chính đề nghị bỏ cụm từ "phối hợp".

5. Tại khoản 5 Điều 6 đề nghị bỏ nội dung "mức giá xét nghiệm căn cứ theo giá thực tế của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Công trùng TP.HCM"; tại khoản 4 Điều 7 đề nghị bỏ nội dung "mức giá xét nghiệm căn cứ theo giá thực tế của Viện Pasteur TP.HCM". Lý do: không liên quan đến mức chi hỗ trợ.

6. Tại khoản 5 Điều 6, khoản 4 Điều 7 đề nghị điều chỉnh cụm từ “Chi hỗ trợ tiền công xét nghiệm PCR” thành “Chi hỗ trợ người thực hiện xét nghiệm PCR”; tại khoản 7 khoản 8 Điều 6, khoản 6 khoản 7 Điều 7 đề nghị điều chỉnh cụm từ “Chi trả công” thành “Chi hỗ trợ”; tại điểm b khoản 1 Điều 16 đề nghị điều chỉnh cụm từ ‘Chi thù lao” thành “Chi **hỗ trợ**”.

Lý do: Theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước khi xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh có liên quan đến tiền công, tiền lương phải có ý kiến của Bộ Tài chính và Bộ Lao động và thương binh xã hội.

7. Tại khoản 1 Điều 7, đề nghị điều chỉnh nội dung “kế hoạch đơn vị xây dựng theo Quyết định số 3711/QĐ-BYT ngày 19 tháng 09 năm 2014 của Bộ Y tế hoặc các văn bản hiện hành” thành “kế hoạch đơn vị xây dựng theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và các quy định hiện hành có liên quan.”

8. Tại khoản 3, khoản 5 Điều 17, đề nghị điều chỉnh như sau:

“Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng mức hỗ trợ này và ngược lại.”

9. Tại Điều 18, đề nghị điều chỉnh lại nội dung do nội dung bị lặp đi lặp lại.

10. Các nội dung chi tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 đã được quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, do đó đề nghị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 và Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020.

11. Đề nghị bỏ khoản 5 Điều 20. Lý do: Trên cơ sở rà soát, tham khảo Nghị quyết của các địa phương khác như Đăk Lăk, Quảng Nam, Đà Nẵng không thực hiện chi hỗ trợ cho các hoạt động này. Mặt khác, chưa có quy định liên quan đến hỗ trợ các đối tượng như trong dự thảo.

11. Đề nghị bổ sung vào dự thảo nội dung Nguồn kinh phí thực hiện như sau:

“Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định”.

### **C. Kết quả tiếp thu các ý kiến và chỉnh sửa dự thảo:**

1. Sở Y tế đã tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Kế hoạch theo ý kiến Phản biện của UBMTTQ Việt Nam tỉnh

2. Sở Y tế tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo theo ý kiến góp ý của Sở Tài chính.

Sở Y tế làm rõ mục số 3 nhỏ của Sở tài chính: Tại khoản 2, khoản 4 Điều 6 là hỗ trợ chi phí thực hiện một xét nghiệm (thực hiện trên mẫu).

Trên đây là báo cáo của Sở Y tế về tổng hợp kết quả tiếp thu ý kiến đóng góp đối với Dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Sở Y tế gửi kèm theo báo cáo này đến UBND tỉnh các văn bản sau:

- Dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước (đã chỉnh sửa theo ý kiến góp ý).

- Biên bản họp trực tiếp lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Công văn tổng hợp ý kiến phản biện của UBNTTQ Việt Nam số 1970/MTTQ – BTT ngày 05/01/2023.

- Công văn góp ý của Sở Tài chính số 19/STC-HCSN ngày 04/01/2023.

Sở Y tế trân trọng kính đề nghị UBND tỉnh xem xét và trình HĐND tỉnh ban hành Dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- UBMTTQVM tỉnh
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu VT, VP (BsHàng).



Quách Ái Đức

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM  
TỈNH BÌNH PHƯỚC  
BAN THƯỜNG TRỰC

Số: 1970 /MTTQ-BTT  
V/v: Tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “Quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 05 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Nghị quyết liên tịch 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-UBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam “Quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”; Thông tri số 23/TTr-MTTW-BTT ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về “Hướng dẫn quy trình giám sát và quy trình phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

Thực hiện Công văn số 766-CV/TU, ngày 24/02/2022 của Thường trực Tỉnh ủy về việc thống nhất với Chương trình giám sát và phản biện xã hội năm 2022 theo Tờ trình số 112/TTr-MTTQ-BTT ngày 27/12/2021 của Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh Bình Phước.

Trên cơ sở Công văn số 5012/SYT-VP, ngày 30/12/2022 của Sở Y tế về việc đề nghị phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh “Quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh”.

Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh Bình Phước xây dựng kế hoạch số 315/KH-MTTQ-BTT, ngày 04/01/2023 tổ chức phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh “Quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh” (viết tắt là Nghị quyết).

Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia phản biện xã hội, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với Dự thảo Nghị quyết như sau:

**I. Ý kiến phản biện đồng tình với dự thảo Nghị quyết**

**1. Sự cần thiết, tính pháp lý và thực tiễn ban hành Nghị quyết:**

1.1. Việc ban hành Nghị quyết là rất cần thiết, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động Chương trình mục tiêu (CTMT) Y tế - dân số trở thành nhiệm vụ thường xuyên; thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, nâng cao năng lực công tác chăm sóc sức khỏe và chất lượng cuộc sống Nhân dân.

Việc ban hành Nghị quyết trên cơ sở kế thừa kết quả việc thực hiện Quyết định số 1125/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 và Thông tư số 26/2018/TT-BTC, ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính, quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMT Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020; đến nay đã hết hiệu lực, theo đó, hoạt động CTMT Y tế - Dân số hiện nay được chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên trên cơ sở Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08/8/2022 của Bộ Tài chính gửi Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc CTMT Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên.

Đồng thời, trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định đối với các chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương do Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định theo thẩm quyền, ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Trung ương ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương không hỗ trợ nên việc ban hành Nghị quyết là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện công tác Y tế - Dân số hiện nay.

1.2. Căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết: Nghị quyết cơ bản thực hiện đúng các quy định của Trung ương và thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; đồng thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương về các nội dung, mức chi, hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số đảm bảo theo đúng trình tự, quy định pháp luật hiện hành; đồng thời, góp phần giữ vững tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

Việc ban hành chính sách cơ bản phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại địa phương nhằm tăng cường nâng cao trình độ cho nhân viên y tế trong công tác phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh, duy trì và nâng cao các kết quả của CTMT Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ ban hành Nghị quyết, đảm bảo đầy đủ, đúng quy định của pháp luật và tình hình thực tế của tỉnh. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã có báo cáo đánh giá tác động khá cụ thể, toàn diện. Đây là cơ sở quan trọng để cơ quan có thẩm quyền ban hành Nghị quyết.

1.3. Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, cơ quan soạn thảo đã có báo cáo Tổng kết thi hành pháp luật, chính sách Quy định mức chi thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2020. Đây là căn cứ rất quan trọng để xây dựng Nghị quyết.

2. Về Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: theo dự thảo Quy định (ban hành kèm theo Nghị quyết) là phù hợp tình hình thực tế của tỉnh và các văn bản pháp luật hiện hành.

## **II. Ý kiến phản biện xã hội liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết**

**1. Đối với căn cứ ban hành Nghị quyết (trong dự thảo Nghị quyết):** Đề nghị xem xét cân nhắc, không nên đưa vào Dự thảo Nghị quyết 02 căn cứ sau:

*“- Thực hiện Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Bộ Y tế về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các Bộ, cơ quan Trung ương, địa phương;*

*- Thực hiện Công văn số 7852/BTC-HCSN ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc CTMT Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên”*

Vì về bản chất Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên và Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan cấp trên...; còn Công văn là loại văn bản hành chính được dùng phổ biến trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Các cơ quan Nhà nước sử dụng Công văn làm phương tiện giao tiếp, trao đổi, báo cáo, đề xuất với cấp trên; trao đổi thông tin qua lại giữa các cơ quan ngang cấp, các tổ chức, cá nhân có liên quan và triển khai, hướng dẫn cấp dưới và công dân tổ chức thực hiện một nội dung, văn bản hành chính, tư pháp,... nào đó. Ngoài ra, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp cũng soạn thảo và sử dụng Công văn trong hoạt động hàng ngày để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình. Mặt khác, theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, Công văn không phải văn bản quy phạm pháp luật cho nên nếu lấy 02 Công văn này làm căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước thì không phù hợp và đảm bảo đúng quy định.

Bên cạnh đó, Công văn số 5925/BYT-KH-TC, ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Bộ Y tế chỉ đạo về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số cho giai đoạn 2016 – 2020, còn Nghị quyết HĐND tỉnh Bình Phước “Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước dự kiến được thông qua và hiệu lực từ năm 2023”(như dự thảo ghi), tức là phạm vi về thời gian của Công văn này, để áp dụng làm căn cứ ban hành Nghị quyết cũng chưa phù hợp.

- Trong dự thảo Quy định (ban hành kèm Nghị quyết) có một số văn bản Quy pháp pháp luật được trích dẫn để áp dụng, như: Thông tư số 21/2011/TT-BTC (*được thay thế bằng Thông tư số 96/2018/TT-BTC*); Quyết định số 3711/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 09 năm 2014 của Bộ Y tế...đề nghị cơ quan soạn thảo nên xem xét nên bổ sung vào Phần căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết, để đảm bảo sự thống nhất trong ban hành văn bản pháp quy.

### **3. Đối với các Nội dung dự thảo Quy định (ban hành kèm theo Nghị quyết)**

#### **3.1. Đối với khoản a, Điều 14 dự thảo Quy định: Chi chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, có quy định:**

*“a) Chi phổ biến kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi, hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tư chăm sóc sức khoẻ: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy*

*định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biếu dương, khen thưởng người cao tuổi”*

Tuy nhiên, theo cập nhật từ Cơ sở dữ liệu Quốc gia về văn bản pháp luật cho thấy: *Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biếu dương, khen thưởng người cao tuổi” đã được thay thế bằng Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ Tài Chính, quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biếu dương, khen thưởng người cao tuổi.* Mặt khác, tại khoản 1, Điều 3, *Thông tư số 96/2018/TT-BTC có quy định rất cụ thể nội dung, mức chi chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo kịp thời cập nhật Thông tư số 96/2018/TT-BTC vào khoản a, Điều 14, dự thảo Quy định để việc triển khai thực hiện Nghị quyết được kịp thời, hiệu quả, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của người cao tuổi.*

Đề nghị Sở Y tế có văn bản tiếp thu giải trình gửi cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và thành phần tham gia phản biện xã hội theo đúng quy định (*chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản biện xã hội; trường hợp đặc biệt có thể kéo dài hơn nhưng không quá 30 ngày và có giải trình cụ thể.*)

*Nơi nhận:*

- BTT.UBTWMTTQVN;
- Ban DCPL + Ban CTPN (MTTW);
- TT Tỉnh ủy; TT. HDND; UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy;
- Như kính gửi;
- Thành phần tham gia PBXH;
- LV DCPL, KT (MTTQVN tỉnh);
- Lưu VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC  
CHỦ TỊCH



Lê Thị Xuân Trang

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 19 /STC-HCSN  
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết  
HĐND quy định một số nội  
dung chi, mức chi cho công  
tác Y tế - Dân số trên địa bàn  
tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 04 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: Sở Y tế

Sở Tài chính nhận được Công văn số 5014/SYT-VP ngày 30/12/2022 của Sở Y tế về việc đề nghị góp ý Dự thảo Nghị quyết HĐND quy định một số nội dung chi, mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh,

Qua nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến về lĩnh vực chuyên môn như sau:

1. Tại khoản 6 Điều 3 quy định các nội dung chi về hoạt động An toàn vệ sinh thực phẩm, do đó đề nghị rà soát, điều chỉnh bổ sung vào Điều 16 cho phù hợp.

2. Tại khoản 2 Điều 4 đề nghị điều chỉnh cụm từ “*ngoài chế độ công tác phí hiện hành*” thành “*ngoài chế độ công tác phí theo quy định hiện hành*”.

3. Tại khoản 2, khoản 4 Điều 6 đề nghị làm rõ nội dung chi là chi hỗ trợ cho nhân viên y tế thực hiện xét nghiệm hay là hỗ trợ chi phí thực hiện một xét nghiệm.

4. Tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 7, đề nghị làm rõ nội dung “*phối hợp*” là gồm những công việc nào trong quy trình bắt muỗi, nuôi muỗi và phát triển cho đủ số lượng muỗi của một mẫu và xét nghiệm. Trong trường hợp không rõ được nội dung này, Sở Tài chính đề nghị bỏ cụm từ “*phối hợp*”.

5. Tại khoản 5 Điều 6 đề nghị bỏ nội dung “*mức giá xét nghiệm căn cứ theo giá thực tế của Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Công trùng TP.HCM*”; tại khoản 4 Điều 7 đề nghị bỏ nội dung “*mức giá xét nghiệm căn cứ theo giá thực tế của Viện Pasteur TP.HCM*”. Lý do: không liên quan đến mức chi hỗ trợ.

6. Tại khoản 5 Điều 6, khoản 4 Điều 7 đề nghị điều chỉnh cụm từ “Chi hỗ trợ tiền công xét nghiệm PCR” điều chỉnh thành “Chi hỗ trợ người thực hiện xét nghiệm PCR”; tại khoản 7 khoản 8 Điều 6, khoản 6 khoản 7 Điều 7 đề nghị điều chỉnh cụm từ “Chi trả công” thành “Chi hỗ trợ”; tại điểm b khoản 1 Điều 16 đề nghị điều chỉnh cụm từ “Chi thù lao” thành “Chi hỗ trợ”.

Lý do: Theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước khi xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh có liên quan đến tiền công, tiền lương phải có ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và Bộ Lao động thương binh và xã hội.

7. Tại khoản 1 Điều 7, đề nghị điều chỉnh nội dung “*kế hoạch đơn vị xây dựng theo Quyết định số 3711/QĐ-BYT ngày 19 tháng 09 năm 2014 của Bộ Y tế*



hoặc các văn bản hiện hành” thành “kế hoạch đơn vị xây dựng theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và các quy định hiện hành có liên quan.”

8. Tại khoản 3, khoản 5 Điều 17, đề nghị điều chỉnh như sau:

“Chi hỗ trợ cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: mức hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng đưa được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/đối tượng, nhưng không quá 600.000 đồng/tháng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng mức hỗ trợ này và ngược lại.”

9. Tại Điều 18, đề nghị điều chỉnh lại nội dung do nội dung bị lặp đi lặp lại.

10. Các nội dung chi tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 đã được quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh, do đó đề nghị thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 và Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020.

11. Đề nghị bỏ khoản 5 Điều 20. Lý do: Trên cơ sở rà soát, tham khảo Nghị quyết của các địa phương khác như Đăk Lăk, Quảng Nam, Đà Nẵng không thực hiện chi hỗ trợ cho các hoạt động này. Mặt khác, chưa có quy định liên quan đến hỗ trợ các đối tượng như trong dự thảo.

11. Đề nghị bổ sung vào dự thảo nội dung Nguồn kinh phí thực hiện như sau:

“Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ ngân sách nhà nước theo phân nh cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.”

Trên đây là ý kiến của Sở Tài chính, chuyên đến Sở Y tế tổng hợp theo quy định./. Võ Nhại

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, HCSN (Tiền).

KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Thúy Phương Thảo*

### BIÊN BẢN HỌP

Về việc lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi cho công tác y tế - dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thời gian bắt đầu cuộc họp: 14 giờ 00' ngày 16/11/2022

Địa điểm: Phòng họp Sở Y tế

Thành phần tham dự:

Chủ tọa: TS.BS. Quách Ái Đức,      Giám đốc Sở Y tế

Tổ Thư ký: Bà Nguyễn Thúy Hằng, CV Văn phòng Sở Y tế

Bà: Uông Thị Thảo, CV văn phòng - Sở Y tế

Chánh văn phòng Sở Y tế: ông Tạ Văn Biết

Thành phần tham dự:

1. Ông Hoa Văn Khải, TP HCSN, Sở Tài chính.

2. Bà Nguyễn Phan Thảo Tiên, CV Phòng HCSN, Sở Tài chính.

3. Sở Y tế: các phòng thuộc sở.

4. Các đơn vị trực thuộc sở: Bệnh viện YHCT, BVĐK tỉnh, Chi cục ATVSTP, Chi cục dân số, Trung tâm KSBT.

5. UBND các huyện, thị, thành phố: Huyện Bù Gia Mập, các huyện khác ủy quyền cho TTYT đi dự thay.

6. TTYT các huyện, thị, thành phố: 11/11 đơn vị.

Vắng: Sở Tư pháp

**Nội dung:** góp ý dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung chi, mức chi cho công tác y tế - dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước (chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên).

Dự thảo Nghị quyết mỗi đơn vị đến dự họp 01 bộ nghiên cứu và đóng góp ý kiến.

**Ý kiến của các đơn vị:**

1. Đ/c Long giám đốc TTYT Phước Long

Điều 8. Xem lại chi xét nghiệm PCR mức 30.000đ khó thực hiện



Điều 14. Mức sinh Bình Phước hiện tại là 2,1 con nên mức chi đưa ra không phù hợp.

Điều 15. Chi hỗ trợ dụng cụ, chỉnh hình, dụng cụ tập phục hồi chức năng phải có mức tối đa và tối thiểu?

## 2/ TTYT Bình Long

Điều 11. Nước uống và đường cho đối tượng làm nghiệm pháp tăng đường máu 10.000 đ mức chi thấp nên điều chỉnh cao hơn.

## 3/ TTYT Đồng Phú

Bổ sung công tác hoạt động truyền thông y tế như tổ chức mít tinh, thi chính sách, pháp luật, sản xuất phóng sự ...

## 4/ Chi Cục ATVSTP:

Mức chi Phòng chống ngộ độc, lấy mẫu, mua mẫu... (sẽ có văn bản chi tiết gửi SYT).

## 5/ TTYT Chơn Thành

Điều 9 (mục 6) chiến dịch mới tính ngày công, còn ô dịch nhỏ?

## 6/ Trung tâm kiểm soát bệnh tật:

Theo thông tư 26 các định mức chi đã rõ ràng

Điều 7 đề nghị TTYT rà soát đối tượng từ nguồn ngân sách vì thuốc phòng chống lao thiếu.

Điều 19 Hoạt động phòng chống HIV/AIDS bỏ từ cán bộ chuyên trách thay bằng cộng tác viên.

## 7/ Bệnh viện y học cổ truyền

Điều chỉnh lại các mục lục cho phù hợp thể thức văn bản

Định mức chi theo thông tư 26 đã rõ ràng

Điều 15: Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng. Mức trung bình trên 1 bệnh nhân nên không vượt quá mức chi của Thông tư

## 8/ Sở Tài chính

Chi trả tiền công nên ghi rõ số tiền cụ thể, không ghi theo mức lương tối thiểu vùng.

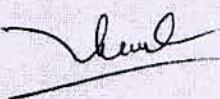
Kết luận của đồng chí Giám đốc Sở Y tế:

1. Sở Y tế sẽ tiếp thu ý kiến của các đơn vị.
2. Nội dung căn cứ để xây dựng Nghị quyết chủ yếu theo thông tư 26.
3. Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế sáng ngày 17/12/22 sẽ làm việc trực tiếp với Sở Y tế để thống nhất nội dung đã nêu trong cuộc họp.

Cuộc họp kết thúc vào 16 giờ 20' ngày 16 tháng 11 năm 2022 nội dung cuộc họp đã được các thành viên dự họp thông qua.

Biên bản được các thành viên nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

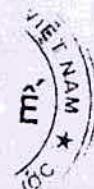
**THƯ KÝ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Nguyễn Thị Thúy Hàng

**CHỦ TỌA**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Quách Ái Đức



Bình Phước, ngày 16 tháng 11 năm 2022

**BẢN TỔNG HỢP TIẾP THU Ý KIẾN**

**Đối với góp ý dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

Thực hiện Công văn 1583/UBND-KGVX ngày 30/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh;

Sở Y tế đã xây dựng dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tài chính, Sở Tư pháp, các đơn vị trực thuộc, UBND các huyện, thị xã, thành phố TTYT các huyện, thị xã, thành phố đề nghị góp ý Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sở Y tế đã nhận được văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị sau:

- Văn bản của các cơ quan, đơn vị thống nhất dự thảo: Văn bản số 1762/UBND-VX ngày 15/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Riềng; Văn bản số 1036/UBND-KGVX ngày 15/11/2022 của UBND thị xã Chơn Thành; Văn bản số 292/CCDS ngày 15/11/2022 của Chi cục Dân số Kế hoạch hóa gia đình; Văn bản số 751/TTYT ngày 14/11/2022 của Trung tâm Y tế thành phố Đồng Xoài;

- Văn bản góp ý: Văn bản số 1709/STP-PC ngày 16/11/2022 của Sở Tư pháp; Văn bản số 99/TTYT ngày 16/11/2022 của Trung tâm Y tế thị xã Bình Long; Văn bản số 3452/STC-HCSN ngày 10/11/2022 của Sở Tài chính; Văn bản số 392/ATVSTP-HCTH ngày 17/11/2022;

Sở Y tế đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị trên, cụ thể như sau:

**1. Đối với ý kiến của Trung tâm Y tế thị xã Bình Long**

**1.1. Tại điểm 2,3 Mục II, Điều 4 : Hoạt động phòng, chống lao :**

- Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế làm công tác khám, phát hiện nguồn lây chính (lao phổi AFB) tại công đồng: góp ý tăng mức hỗ trợ từ 30.000 đ/ bệnh nhân lao AFB lên 50.000đ/ bệnh nhân;

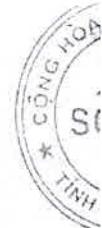
- Chi hỗ trợ cán bộ y tế trực tiếp khám và đưa bệnh nhân lao tới tổ chống lao tuyến huyện : góp ý tăng 50.000đ/ xã/ tháng lên 80.000 đ/ xã/ tháng cho các xã khó khăn và 30.000đ/ xã/ tháng lên 50.000 đ/ xã/ tháng cho các xã còn lại;

**1.2 Tại điểm 3,4, mục III, Điều 4 : Hoạt động phòng chống, sốt rét**

- Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi : Góp ý tăng 150.000 đ/ điểm kính/ tháng lên 200.000 đ/ điểm kính/ tháng;

- Chi hỗ trợ người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm : Góp ý tăng từ 130.000 đ/ người / đêm lên 200.000 đ/ người/ đêm;

**3. Tại điểm 2, mục IV, Điều 4 : Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết**



- Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt xuất huyết (từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm) : Góp ý tăng từ 25.000 đ/ mẫu lên 50.000đ/ mẫu.

#### 4. Tại điểm 3, mục V, Điều 4 : Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

- Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình : Góp ý từ 150.000 đ/ xã/ tháng lên 200.000 đ/ xã/ tháng.

#### 5. Tại điểm 4, mục VI, Điều 4 : Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu I ôt.

- Chi hỗ trợ khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát : góp ý tăng 10.000 đ/ người được khám lên 50.000 đ/ người được khám.

#### 6. Tại điểm 1, mục IX, Điều 4 : Hoạt động dân số - KHHGĐ

- Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản: góp ý mức hỗ trợ từ 300.000 đ/ người tự nguyện triệt sản lên 1.000.000 đ/ người.

Lý do cần tăng các mức chi đặc thù là do một số chương trình độc hại, trực tiếp tiếp xúc bệnh nhân ( Lao, tâm, thần, HIV, phong, SXH ..... ) có nguy cơ cao. Mức chi đang hướng quá thấp, đã rất lâu chưa có quy định ban hành mức chi mới, chi phí xăng xe đi lại cao do giá xăng tăng liên tục, lương cán bộ y tế làm công tác chương trình mục tiêu y tế vẫn còn thấp.

#### \* Ý kiến của Sở Y tế:

- Sau khi xem xét, Sở Y tế không tiếp thu điều chỉnh mức chi hỗ trợ vào Dự thảo. Lý do: Vì đây là mức chi hỗ trợ. Theo Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Bộ Y tế về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 – 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên và Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước, trong đó quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi các tính chất đặc thù ở địa phương nhưng phải phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Hiện nay tình cờ còn nghèo.

- Riêng đối với ý kiến của TTYT thị xã Bình Long về chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản: tăng mức hỗ trợ từ 300.000 đ/ người tự nguyện triệt sản lên 1.000.000 đ/ người. Nội dung này không được tiếp thu, chỉnh sửa vào Dự thảo, lý do: Bình Phước tiếp tục duy trì mức sinh thay thế 2,1 con (theo mục tiêu của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình).

#### 2. Đối với ý kiến của Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm

Tại Khoản I, điều 3 “Nội dung chi và mức chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung phòng, điều trị, chăm sóc cho người bệnh”.

Tại Mục 1, Khoản I, điều 3 “Chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề: Theo mức chi hỗ trợ cho giảng viên, báo cáo viên được quy định tại các văn bản hiện hành”.

Tại Khoản III, điều 3, do mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày là chưa phù hợp xin góp ý chỉnh sửa thành “Nội dung chi và mức chi hỗ trợ giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mắt cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi quản lý: Cán bộ y tế, dân số tham gia giám sát được hỗ trợ mức 50.000 đồng/người/ngày ngoài chế độ công tác phí quy định tại văn bản hiện hành”.

Tại khoản XI, điều 4 của Nghị quyết, theo Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23/7/2021 của Bộ Y tế về rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, do đó đề nghị chỉnh sửa như sau:

- Mua mẫu, phân tích, đánh giá về an toàn thực phẩm theo quy định: Mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.
- Trang bị thiết bị, phương tiện, dụng cụ, hóa chất phục vụ hoạt động chuyên môn về an toàn thực phẩm: Mức chi theo quy định của pháp luật về giá.
- Kiểm tra thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm; mua mẫu kiểm nghiệm phục vụ kiểm tra, hậu kiểm bảo đảm an toàn thực phẩm: Mức chi theo giá dịch vụ, kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

\* Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm;

- Chi thù lao người trực tiếp Điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này): Mức hỗ trợ như sau:

+ Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ô nhiễm dịch truyền qua thực phẩm: Mức chi 130.000 đồng/người/ngày.

+ Tại các khu vực, địa điểm khác: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

\* Chi xây dựng mô hình điểm về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; bếp ăn tập thể tại địa phương. Thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp tỉnh tại địa phương quyết định. Nội dung và mức chi bao gồm:

- Chi xây dựng đê cương: 1.000.000 đồng/dê cương;
- Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm cả đánh giá thử đê thẩm tra, giám sát hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình): Mức chi theo quy định hiện hành.
- Các nội dung khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền: mức chi thực

hiện theo các quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

\* Lấy mẫu, mua mẫu, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, kiểm tra, hậu kiểm tăng cường các trường hợp có dấu hiệu vi phạm (khi có cảnh báo, sự cố về an toàn thực phẩm, hoặc nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm); thực hiện giám sát mối nguy về an toàn thực phẩm do cấp có thẩm quyền chỉ định: Mức chi lấy mẫu, mua mẫu thực phẩm theo quy định hiện hành, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

\* Chi sản xuất, biên tập các Chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí): Mức chi theo hợp đồng thực tế với đơn vị sản xuất Đài phát thanh - Truyền hình và báo; chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip)) để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm. Trường hợp đã có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì áp dụng định mức chi phí, đơn giá đó. Trường hợp chưa có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, Chương trình truyền thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; ưu tiên truyền thông qua đài phát thanh xã, phường, thị trấn. Việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

\* Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: Áp dụng theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND tỉnh ngày 02/01/2020 Ban hành Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí; Công/trang tin điện tử; Đài phát thanh – Truyền hình cấp huyện; bản tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

\* Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép:

- Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 70.000 đồng/người/ngày;

- Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/ngày. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ truyền thông quyết định số lượng người tham gia chiến dịch trong phạm vi dự toán được giao;

- Bồi dưỡng phát thanh viên: 150.000 đồng/người/ngày;

- Chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện, trang trí, ảnh tư liệu, thuê hội trường, phông, bạt, bàn, ghế, thiết bị loa, đài và các chi phí hợp lý khác. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được duyệt.

\* Căn cứ luật An toàn thực phẩm; Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính Phủ về Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. Tại Chương

II, Điều 4 mục 2 và Điều 5 mục 2 có quy định: “Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận ... khi đang kinh doanh thực phẩm; Người trực tiếp chế biến thức ăn phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận”. Căn cứ tình hình thực tế để thống nhất trên toàn tỉnh thực hiện xã hội hóa tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm khi cá nhân, tổ chức trực tiếp sản xuất, kinh doanh, trực tiếp chế biến thức ăn có nhu cầu: Mức thu 150.000đ/ người (Dùng để chi những khoản sau: Tiền báo cáo viên, cán bộ trợ giảng, tài liệu, nước uống, thuê hội trường, trang trí hội trường, văn phòng phẩm, giấy chứng nhận, tiền thuê người phục vụ, trông xe, ...)

\* Về thu phí: Theo thông tư 67/2021;(Nghị định 120/2016/NĐ-CP)

Số tiền phí được cấp lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chỉ dùng cho các nội dung sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: Thuê xe đi thẩm định, chi hội đồng thẩm định, văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành, chi hội đồng thẩm định.

- Chi sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

#### \* Ý kiến của Sở Y tế:

- **Đối với ý kiến:** Tại Khoản I, điều 3 “Nội dung chi và mức chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh; hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ thực hiện tư vấn về nội dung phòng, điều trị, chăm sóc cho người bệnh”.

Tại Mục 1, Khoản I, điều 3 “Chi hỗ trợ người thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề: Theo mức chi hỗ trợ cho giảng viên, báo cáo viên được quy định tại các văn bản hiện hành”.

Tại Khoản III, điều 3, do mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày là chưa phù hợp xin gộp ý chỉnh sửa thành “Nội dung chi và mức chi hỗ trợ giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát định dường, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mắt cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh, tật bẩm sinh, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi quản lý: Cán bộ y tế, dân số tham gia giám sát được hỗ trợ mức 50.000 đồng/người/ngày ngoài chế độ công tác phí quy định tại văn bản hiện hành”.

\* Sở Y tế đã tiếp thu, chỉnh sửa vào phần Nội dung và mức chi chung của Dự Thảo.

- **Đối với các ý kiến:** Tại khoản XI, điều 4 của Nghị quyết, theo Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23/7/2021 của Bộ Y tế về rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 - 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, do đó để nghị chỉnh sửa như sau:

- Mua mẫu, phân tích, đánh giá về an toàn thực phẩm theo quy định: Mức chi theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

- Trang bị thiết bị, phương tiện, dụng cụ, hóa chất phục vụ hoạt động chuyên môn về an toàn thực phẩm: Mức chi theo quy định của pháp luật về giá.

- Kiểm tra thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm; mua mẫu kiểm nghiệm phục vụ kiểm tra, hậu kiểm bảo đảm an toàn thực phẩm: Mức chi theo giá dịch vụ, kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

\* Chi phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

- Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm;

- Chi thù lao người trực tiếp Điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh truyền qua thực phẩm (ngoài chế độ công tác phí; trường hợp cán bộ đã được hưởng phụ cấp chống dịch từ các nguồn kinh phí khác thì không hưởng chế độ thù lao này): Mức hỗ trợ như sau:

+ Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ô nhiễm dịch truyền qua thực phẩm: Mức chi 130.000 đồng/người/ngày.

+ Tại các khu vực, địa điểm khác: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

\* Chi xây dựng mô hình điểm về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với loại hình kinh doanh dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; bếp ăn tập thể tại địa phương. Thủ trưởng đơn vị quản lý nhà nước chuyên môn cấp tỉnh tại địa phương quyết định. Nội dung và mức chi bao gồm:

- Chi xây dựng đề cương: 1.000.000 đồng/de cương;

- Thuê chuyên gia tư vấn đánh giá mô hình điểm, hướng dẫn thiết lập chương trình, giám sát mô hình (bao gồm cả đánh giá thử đề thẩm tra, giám sát hiệu quả chương trình quản lý chất lượng của mô hình): Mức chi theo quy định hiện hành.

- Các nội dung khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền: mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt

\* Lấy mẫu, mua mẫu, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, kiểm tra, hậu kiểm tăng cường các trường hợp có dấu hiệu vi phạm (khi có cảnh báo, sự cố về an toàn thực phẩm, hoặc nghi ngờ có dấu hiệu vi phạm); thực hiện giám sát mối nguy về an toàn thực phẩm do cấp có thẩm quyền chỉ định: Mức chi lấy mẫu, mua mẫu thực phẩm theo quy định hiện hành, thuê phân tích mẫu, đánh giá các chỉ tiêu theo giá dịch vụ kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật về giá.

\* Chi sản xuất, biên tập các Chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí): Mức chi theo hợp đồng thực tế với đơn vị sản xuất Đài phát thanh - Truyền hình và báo; chi mua, sản xuất, nhân bản, phát hành, sửa chữa các sản phẩm truyền thông, thông tin khác (tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu, đoạn băng hình (video clip)) để tăng

cường nội dung thông tin, tuyên truyền về an toàn thực phẩm. Trường hợp đã có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì áp dụng định mức chi phí, đơn giá đó. Trường hợp chưa có định mức chi phí, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành, thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền, Chương trình truyền thông đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; ưu tiên truyền thông qua đài phát thanh xã, phường, thị trấn. Việc thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

\* Chi hỗ trợ biên tập các nội dung truyền thông tại cộng đồng: Áp dụng theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND tỉnh ngày 02/01/2020 Ban hành Quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí; Công/trang tin điện tử; Đài phát thanh – Truyền hình cấp huyện; bản tin của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

\* Chi tổ chức mít tinh, tháng hành động, chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép:

- Hỗ trợ những người tổ chức, giám sát thực hiện chiến dịch, vận động và tư vấn (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 70.000 đồng/người/ngày;

- Bồi dưỡng người trực tiếp tham gia chiến dịch: 50.000 đồng/người/ngày. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ truyền thông quyết định số lượng người tham gia chiến dịch trong phạm vi dự toán được giao;

- Bồi dưỡng phát thanh viên: 150.000 đồng/người/ngày;

- Chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện, trang trí, ảnh tư liệu, thuê hội trường, phông, bạt, bàn, ghế, thiết bị loa, dàn và các chi phí hợp lý khác. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được duyệt.

\* Căn cứ luật An toàn thực phẩm; Căn cứ Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. Tại Chương II, Điều 4 mục 2 và Điều 5 mục 2 có quy định: "Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận ... khi đang kinh doanh thực phẩm; Người trực tiếp chế biến thức ăn phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận". Căn cứ tình hình thực tế để thống nhất trên toàn tỉnh thực hiện xã hội hóa tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm khi cá nhân, tổ chức trực tiếp sản xuất, kinh doanh, trực tiếp chế biến thức ăn có nhu cầu: Mức thu 150.000đ/ người (Dùng để chi những khoản sau: Tiền báo cáo viên, cán bộ trợ giảng, tài liệu, nước uống, thuê hội trường, trang trí hội trường, văn phòng phẩm, giấy chứng nhận, tiền thuê người phục vụ, trông xe, ...)

\* Về thu phí: Theo thông tư 67/2021;(Nghị định 120/2016/NĐ-CP)

Số tiền phí được cấp lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: Thuê xe đi thẩm định, chi hội đồng thẩm định, văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành, chi hội đồng thẩm định.

- Chi sửa chữa thường xuyên tài sản, máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí.

- Sở Y tế không tiếp thu chỉnh sửa vào Dự thảo. Lý do: Theo Công văn số 5925/BYT-KH-TC ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Bộ Y tế về việc rà soát, chuyển nội dung nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016 – 2020 thành nhiệm vụ thường xuyên của tỉnh; không phải Dự thảo Nghị Quyết này quy định tất cả các nhiệm vụ chi thường xuyên. Vì vậy Sở Y tế chỉ chuyên nội dung nhiệm vụ đặc thù của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số vào Dự thảo Nghị quyết.

### 3. Đối với ý kiến của Sở Tư pháp

Đối với các ý kiến góp ý của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1709/STP-PC ngày 16/11/2022, Sở Y tế đã tiếp thu, chỉnh sửa vào Dự thảo.

### 4. Đối với ý kiến của Sở Tài chính

Đối với ý kiến góp ý của Sở Tài chính tại Văn bản số 3452/STC-HCSN ngày 10/11/2022, Sở Y tế đã tiếp thu, thực hiện.

### 5. Đối với ý kiến của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật

Đối với ý kiến góp ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tại Văn bản số 934/KSBT-KHNV ngày 25/7/2022, Sở Y tế đã tiếp thu, chỉnh sửa vào dự thảo.

Trên đây là bản tổng hợp tiếp thu ý kiến đối với góp ý dự thảo Nghị quyết Quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Bình Phước./:-  
*[Signature]*

(Dự thảo Nghị quyết kèm theo).

#### Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BGĐ SYT;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc;
- TTYT các huyện, thị, thành phố;
- UBND huyện Chơn Thành;
- UBND huyện Phú Riềng;
- Lưu.



Quách Ái Đức